



# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

**23/12/2024 – 27/12/2024**

**Khối Nghiên cứu**



**MBS Head Office**  
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam  
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601  
Web: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## SMALL CAP ĐANG LỢI ĐÀ, LẤN ÁT HIỆU ỨNG CHỐT NAV CUỐI NĂM

- Chứng khoán thế giới giảm mạnh trong tuần vừa qua sau khi cuộc họp chính sách tiền tệ cuối cùng của Fed trong năm nay, đây cũng là tuần giảm thứ 2 liên tiếp ở nhiều chỉ số lớn. Đáng chú ý là chỉ số Dow Jones, tuy đã kết thúc chuỗi lao dốc dài nhất kể từ năm 1974 với 10 phiên giảm liên tiếp nhưng tuần vừa qua cũng là tuần giảm thứ 3 liên tiếp của chỉ số này. Kể từ đầu năm, ngoài thị trường Hàn Quốc, một số thị trường chứng khoán khu vực Đông Nam Á vẫn chưa quay lại vạch xuất phát.
- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ngày 18/12 cắt giảm lãi suất lần thứ ba trong năm nay, với mức giảm 0,25% và đưa ra quan điểm thận trọng về việc tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ trong những năm sắp tới. Các ngân hàng trung ương trên khắp châu Á đang phải đối mặt với quyết định khó khăn sau động thái cắt giảm lãi suất đi kèm với quan điểm điều hòa của Fed
- Thị trường chứng khoán trong nước cũng điều chỉnh giảm sang tuần thứ 2 liên tiếp nhưng với biên độ hẹp và mức giảm cũng khá nhẹ so với chứng khoán thế giới, chốt tuần ở 1.257,5 điểm, giảm -5,07 điểm, tương đương sụt -0,4% so với tuần trước. Ngược dòng thị trường là nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ (Smallcap), tuần vừa qua cũng là tuần tăng thứ 4 liên tiếp của nhóm cổ phiếu này. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh -1.460 tỷ đồng trong bối cảnh chỉ số tiền tệ của khu vực Châu Á đã xuống mức thấp nhất 2 năm.
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua còn 15.792 tỷ đồng, giảm -1,7% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng giảm -7,1% còn 11.957 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 12 đạt 16.586 tỷ đồng, tăng +5% so với tháng 11 nhưng vẫn thấp hơn -10,4% svck. Lũy kế từ đầu năm đạt gần 21.492 tỷ đồng, tăng +22,7% so với năm 2023.
- Về kỹ thuật, chỉ số Vn-Index tuy giảm 2 tuần liên tiếp nhưng biên độ khá hẹp và mức giảm cũng tương đối nhẹ so với chứng khoán thế giới dù chỉ số này cũng chịu tác động từ phiên giảm 19/12 sau cuộc họp chính sách tiền tệ cuối cùng của Fed trong năm nay. Tín hiệu này cho thấy trong bối cảnh dòng tiền trong nước khá thận trọng ở tuần có nhiều sự kiện tác động, thị trường vẫn có sức chống đỡ khá tốt từ tác động ngoại biên với sự khác biệt nằm ở nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ (Smallcap). Chỉ số Vn-Index hiện đã lùi xuống dưới các ngưỡng trung bình hay được theo dõi như MA200, MA100, do vậy yếu tố kỹ thuật dễ kéo dòng tiền trở lại khi chỉ số này vượt ngưỡng 1.260 điểm hoặc trong kịch bản thận trọng là lùi lại vùng hỗ trợ 1.240 – 1.243 điểm. Tuần cuối cùng của năm, thị trường cũng đặt nhiều kỳ vọng sẽ có hiệu ứng chốt NAV hoặc một số thông tin vĩ mô có sớm sẽ là nhân tố hỗ trợ nhưng biên độ tăng có thể không bằng cổ phiếu ở nhóm Smallcap.

## Các sự kiện chính trong tuần này (23/12 – 27/12)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
<p><b>23</b></p> <p> Anh: Tăng trưởng GDP (Q3)</p> <p> Mỹ: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng của CB (tháng 12)</p>	<p><b>24</b></p> <p> Mỹ : Doanh số bán nhà mới (tháng 11)</p> <p> Mỹ: Đơn đặt hàng hoá lâu bền (tháng 11)</p>	<p><b>25</b></p>	<p><b>26</b></p> <p> Mỹ: Dữ liệu yêu cầu thất nghiệp lần đầu</p>	<p><b>27</b></p> <p> Nhật Bản: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 12)</p> <p> Nhật Bản: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 11)</p>

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



## Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	844.23	-2.53%	-1.16%	16.13%	17.06%
Dow Jones	42,840.26	-2.25%	-3.29%	13.67%	14.59%
S&P 500	5,930.85	-1.99%	-0.64%	24.34%	24.74%
Europe	502.20	-2.76%	-1.23%	4.84%	5.15%
Japanese	38,723.50	-1.89%	1.15%	15.72%	16.75%
Korea	2,404.15	-3.62%	-3.88%	-9.46%	-7.52%
China	3,368.07	-0.70%	3.09%	13.21%	15.55%
HongKong	19,720.70	-1.25%	2.55%	15.68%	20.69%
Taiwan	22,510.25	-2.22%	-1.72%	25.54%	27.92%
Indian	23,587.50	-4.77%	-1.34%	8.54%	10.48%
Singapore	3,719.93	-2.37%	-0.70%	14.80%	18.46%
Malaysia	1,591.41	-1.08%	0.10%	9.40%	9.42%
Indonesia	6,983.87	-4.65%	-2.94%	-3.97%	-3.50%
Thailand	1,365.07	-4.65%	-5.62%	-3.59%	-2.85%
Philippine	6,406.38	-3.18%	-5.51%	-0.68%	-1.46%
Vietnam	1,257.50	-0.40%	2.39%	11.29%	14.00%
Brent Oil	72.94	-2.08%	-2.26%	-5.16%	-7.44%
Crude Oil WTI	69.46	-2.57%	-2.50%	-3.06%	-5.57%
Gold	2,645.10	-1.15%	-2.93%	26.45%	26.63%
S&P 500 VIX	18.36	32.95%	20.47%	47.47%	40.91%
Dollar Index	107.35	0.33%	0.21%	6.57%	6.25%
U.S. 10Y	4.53	3.08%	2.68%	17.15%	16.11%
U.S. 2Y	4.32	1.77%	-1.42%	1.60%	-0.26%

Nguồn: Update 22/12, Investing, MBS Research

- Chứng khoán Mỹ vừa khép lại một tuần đầy biến động. Tính đến hôm thứ Tư, Dow Jones có 10 phiên giảm liên tiếp, chuỗi phiên giảm dài nhất của chỉ số này kể từ năm 1974. Cũng trong phiên ngày hôm đó, Dow Jones “bốc hơi” hơn 1.100 điểm, đánh dấu lần thứ hai trong năm nay có mức giảm trên 1.000 điểm chỉ trong 1 phiên. Tuy tăng trong phiên ngày thứ Sáu, cả ba chỉ số chứng khoán Mỹ đều giảm trong tuần vừa qua. Dow Jones giảm gần 2,3%, đánh dấu tuần giảm thứ ba liên tiếp. S&P 500 giảm 2% và Nasdaq giảm khoảng 1,8%.
- Chỉ số Dollar Index đo sức mạnh của bạc xanh so với 6 đồng tiền chủ chốt khác có thời điểm tăng lên mức cao nhất 2 năm (108,53 điểm), chốt tuần tăng 0,33%, trên ngưỡng 107 điểm. Cùng với đó, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm cũng vượt 4,5%, tăng 13,5 điểm cơ bản so với tuần trước.
- Giá vàng thế giới tuần vừa qua giảm -1,15% và đã sụt -6,3% kể từ đỉnh. Tuy vậy năm 2024 vẫn là năm đáng nhớ của giá vàng khi đang tăng 26,45% kể từ đầu năm..
- Trên thị trường năng lượng, giá mỗi loại dầu đều giảm hơn -2% trong tuần vừa qua. JPMorgan dự báo thị trường dầu mỏ sẽ chuyển từ trạng thái cân bằng vào năm 2024 sang dư cung 1,2 triệu thùng/ngày vào năm 2025.



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



## Chứng khoán toàn cầu có tuần giảm mạnh nhất 3 tháng qua



## Dow Jones kết thúc chuỗi lao dốc dài nhất kể từ năm 1974



## Chứng khoán Châu Âu giảm 2 tuần liên tiếp dù ECB hạ lãi suất



## Chứng khoán Trung Quốc ít chịu ảnh hưởng trong 2 tuần vừa qua



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



## Fed dự báo sẽ giảm lãi suất chậm lại trong năm 2025

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ngày 18/12 cắt giảm lãi suất lần thứ ba trong năm nay, với mức giảm 0,25 điểm phần trăm, và đưa ra quan điểm thận trọng về việc tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ trong những năm sắp tới.

Biểu đồ dự báo lãi suất “dot plot” trong báo cáo triển vọng kinh tế được cập nhật hàng quý của Fed cho thấy các nhà hoạch định chính sách tiền tệ kỳ vọng chỉ có 2 lần giảm lãi suất trong cả năm 2025. Trong lần cập nhật trước, diễn ra vào tháng 9, Fed dự báo sẽ có 4 đợt giảm lãi suất vào năm tới.

Trong dự báo kinh tế cập nhật, Fed nâng triển vọng tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2024 của Mỹ lên 2,5%, cao hơn nửa điểm phần trăm so với dự báo hồi tháng 9. Tuy nhiên, giới chức Fed cho rằng trong những năm tới, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất thế giới sẽ giảm dần về ngưỡng 1,8%.

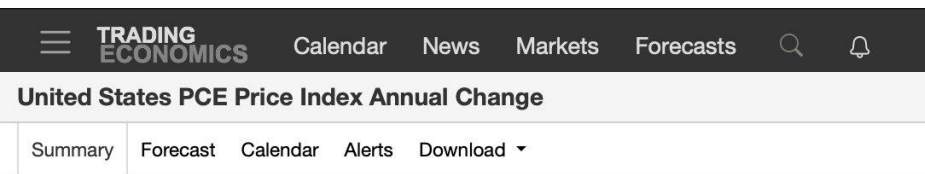
Về thất nghiệp, Fed giảm dự báo tỷ lệ thất nghiệp của năm nay còn 4,2%. Trái lại, dự báo về tỷ lệ lạm phát toàn phần và lạm phát lõi - tính theo chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE), thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng - tăng lên mức tương ứng 2,4% và 2,8%, nhỉnh hơn so với dự báo hồi tháng 9 và cao hơn so với mục tiêu 2% của Fed.

Quyết định lãi suất mới nhất của Fed được đưa ra trong bối cảnh không chỉ tốc độ lạm phát ở Mỹ duy trì ở mức cao hơn mục tiêu, mà nền kinh tế còn tiếp tục tăng trưởng vững. Fed chi nhánh Atlanta dự báo GDP của Mỹ tăng trưởng 3,2% trong quý 4 năm nay. Cùng với đó, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở ngưỡng thấp trên 4%.

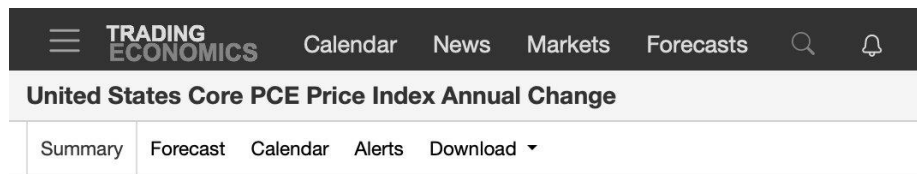
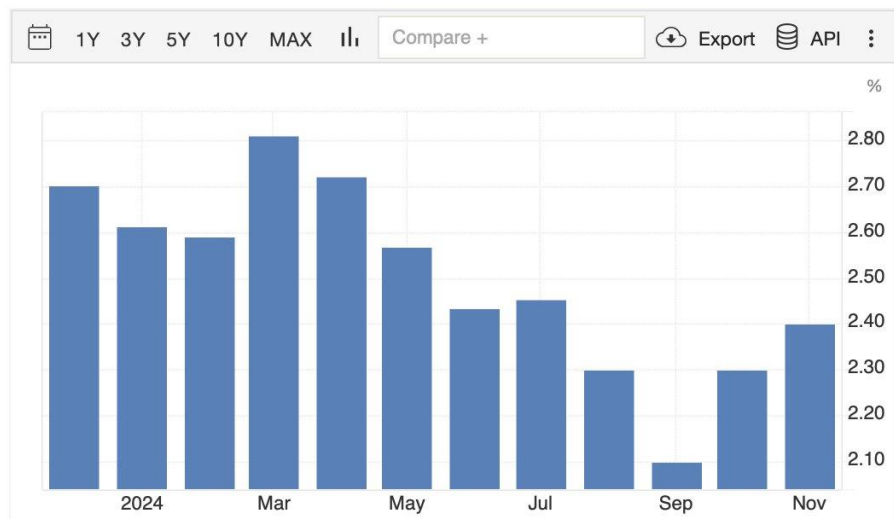
Global Central Bank Policy Rates							
Country	Rate	Central Bank Rate (Today)	CPI YoY	Real Central Bank Rate	YoY CPI Trend vs. Prior Reading	Last Move	Last Move Month
Japan	Policy Rate Bal	0.25%	2.3%	-2.1%	Lower	Hike	Jul-24
Switzerland	Target Rate	0.50%	0.7%	-0.2%	Higher	Cut	Dec-24
Taiwan	Discount Rate	2.00%	2.1%	-0.1%	Higher	Hike	Mar-24
Thailand	Policy Rate	2.25%	1.0%	1.3%	Higher	Cut	Oct-24
Denmark	Deposit Rate	2.60%	1.6%	1.0%	Unchanged	Cut	Dec-24
Sweden	Repo Rate	2.75%	1.6%	1.2%	Unchanged	Cut	Nov-24
Malaysia	Policy Rate	3.00%	1.9%	1.1%	Higher	Hike	May-23
South Korea	Repo Rate	3.00%	1.5%	1.5%	Higher	Cut	Nov-24
Eurozone	Deposit Rate	3.00%	2.3%	0.7%	Higher	Cut	Dec-24
China	Loan Prime Rate	3.10%	0.2%	2.9%	Lower	Cut	Oct-24
Canada	Overnight	3.25%	1.9%	1.4%	Lower	Cut	Dec-24
Czech Republic	Repo Rate	4.00%	2.8%	1.2%	Unchanged	Cut	Nov-24
New Zealand	Cash Rate	4.25%	2.2%	2.1%	Lower	Cut	Nov-24
Australia	Cash Rate	4.35%	2.1%	2.3%	Unchanged	Hike	Nov-23
<b>US</b>	<b>Fed Funds</b>	<b>4.38%</b>	<b>2.7%</b>	<b>1.7%</b>	<b>Higher</b>	<b>Cut</b>	<b>Dec-24</b>
Norway	Deposit Rate	4.50%	2.4%	2.1%	Lower	Hike	Dec-23
UK	Bank Rate	4.75%	2.3%	2.5%	Lower	Cut	Nov-24
Hong Kong	Base Rate	5.00%	1.4%	3.6%	Lower	Cut	Nov-24
Peru	Policy Rate	5.00%	2.3%	2.7%	Higher	Cut	Nov-24
Chile	Base Rate	5.00%	4.2%	0.8%	Lower	Cut	Dec-24
Saudi Arabia	Repo Rate	5.25%	2.0%	3.3%	Higher	Cut	Nov-24
Poland	Repo Rate	5.75%	4.7%	1.1%	Lower	Cut	Oct-23
Indonesia	Repo Rate	6.00%	1.6%	4.5%	Lower	Cut	Sep-24
Philippines	Key Policy Rate	6.00%	2.5%	3.5%	Higher	Cut	Oct-24
India	Repo Rate	6.50%	5.5%	1.0%	Lower	Hike	Feb-23
South Africa	Repo Rate	7.75%	2.9%	4.9%	Higher	Cut	Nov-24
Colombia	Repo Rate	9.75%	5.2%	4.6%	Lower	Cut	Oct-24
Mexico	Overnight Rate	10.25%	4.6%	5.7%	Higher	Cut	Nov-24
Brazil	Target Rate	12.25%	4.9%	7.4%	Higher	Hike	Dec-24
Russia	Key Policy Rate	21.00%	8.9%	12.1%	Higher	Hike	Oct-24
Argentina	Overnight Repo	32.00%	166.0%	-134.0%	Lower	Cut	Dec-24
Turkey	Repo Rate	50.00%	47.1%	2.9%	Lower	Hike	Oct-24

## Thước đo lạm phát yêu thích của Fed tăng 2,4%, yếu hơn dự báo đã giúp giải tỏa một phần mối lo ngại trước đó của thị trường

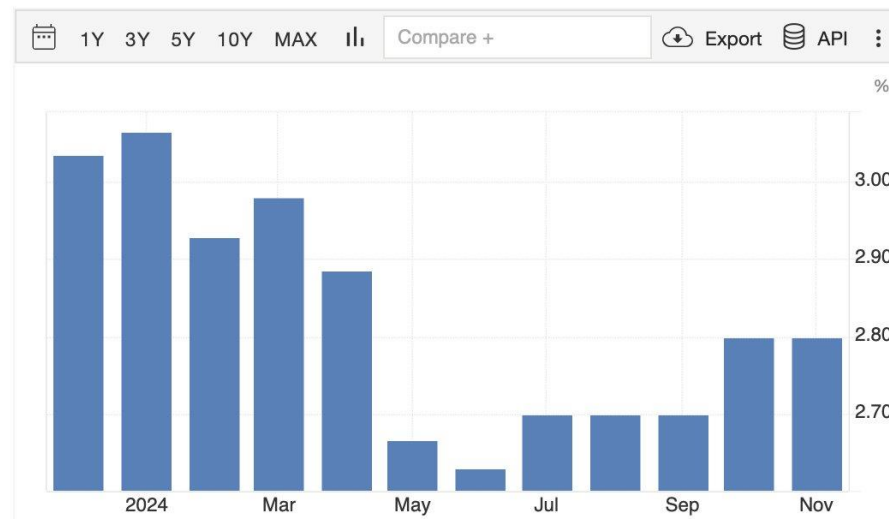
Báo cáo từ Bộ Thương mại Mỹ cho thấy chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát được Cục Dự trữ Liên bang (Fed) ưa chuộng - tăng 2,4% trong tháng 11 so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 0,1% so với tháng trước. Cả hai con số này đều thấp hơn 0,1 điểm phần trăm so với dự báo mà các nhà kinh tế học đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. Không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng, PCE lõi tăng 2,8% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 0,1% so với tháng trước, cũng đều là những mức tăng thấp hơn so với dự báo. Dù cả PCE toàn phần và PCE lõi - thước đo mà Fed cho là phản ánh chuẩn xác hơn xu hướng lạm phát - đều đang giảm chậm và còn cao hơn so với mục tiêu, việc các chỉ số này tăng ít hơn dự báo đã giúp giải tỏa một phần mối lo ngại trước đó của thị trường.



Annual PCE inflation in the US accelerated for a second month to 2.4% in November 2024 from 2.3% in October, but below expectations of 2.5%. PCE Price Index Annual Change in the United States averaged 3.29 percent from 1960 until 2024, reaching an all time high of 11.60 percent in March of 1980 and a record low of -1.47 percent in July of 2009. source: U.S. Bureau of Economic Analysis



Annual core PCE inflation in the US unexpectedly steadied at 2.8% in November 2024, the same as in October while forecasts were pointing to a rise to 2.9%. Core PCE Price Index Annual Change in the United States averaged 3.24 percent from 1960 until 2024, reaching an all time high of 10.22 percent in February of 1975 and a record low of 0.63 percent in July of 2009. source: U.S. Bureau of Economic Analysis



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

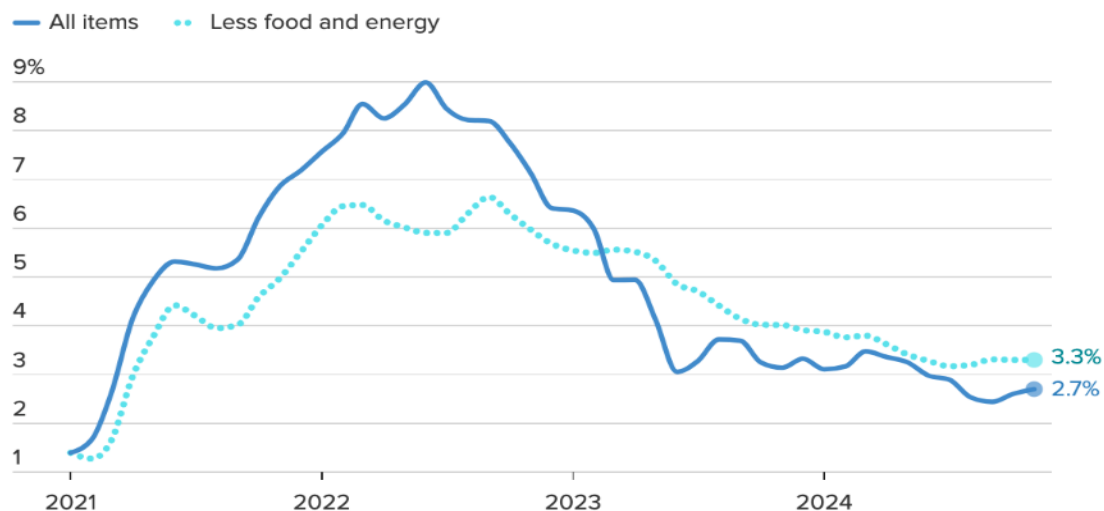
## Lạm phát ở Mỹ đang có chiều hướng chững lại trên mức mục tiêu 2% mà Fed đề ra

Thống kê đến từ Bộ Lao động Mỹ cho thấy chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11 tăng 0,3% so với tháng 10 và tăng 2,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Không tính hai nhóm hàng hóa có nhiều biến động là thực phẩm và năng lượng, CPI lõi tăng 0,3% trên cơ sở tháng và tăng 3,3% trên cơ sở năm. Điều này cho thấy áp lực lạm phát đang lan rộng ra nhiều nhóm hàng hóa và dịch vụ khác trong nền kinh tế.

Trong khi đó, chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tháng 11 của Mỹ tăng mạnh hơn dự báo. PPI tổng thể tăng 3,0% trong 12 tháng qua, cao hơn so với sự báo 2,6%. PPI cốt lõi tăng 3,4% trong 12 tháng qua, tăng so với mức dự báo 3,2%

### U.S. consumer price index

Year-over-year percent change | Jan. 2021–Nov. 2024



Note: Not seasonally adjusted  
Source: U.S. Bureau of Labor Statistics  
Data as of Dec. 11, 2024



FDIUFDYO Index (US PPI Final Demand YoY NSA) PPI Monthly 01JAN2010-30NOV2024 Copyright© 2024 Bloomberg Finance L.P. 12-Dec-2024 08:34:12



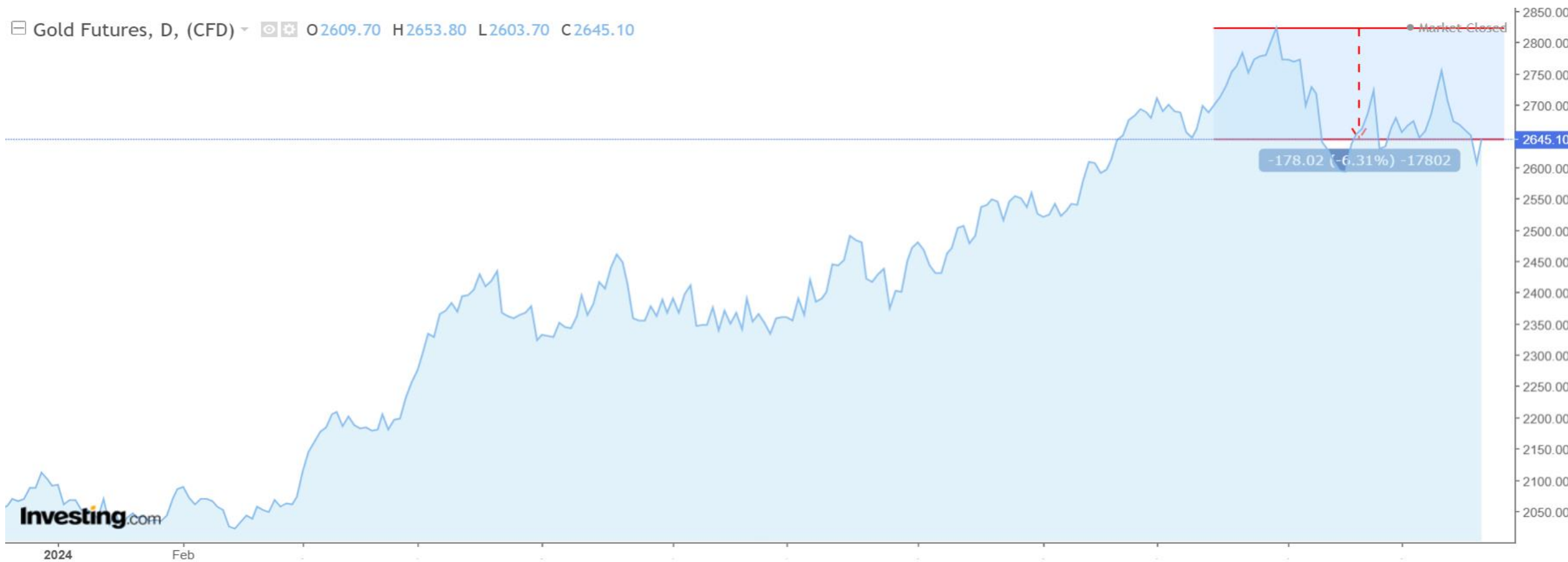
# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



## Giá vàng thế giới tuần vừa qua giảm -1,15% và sụt -6,3% kể từ đỉnh

Một báo cáo của ngân hàng JPMorgan Chase nhận định với nhu cầu vàng vật chất đang duy trì vững và kỳ vọng giảm lãi suất trong năm 2025 đang thấp hơn trước, giá vàng hoàn toàn có khả năng bứt phá mạnh trong thời gian tới. Nhìn lại năm 2024, thị trường vàng đã chứng kiến những diễn biến chưa từng có tiền lệ. Giá vàng thiết lập đỉnh cao mới 2,826.30 USD/oz vào cuối tháng 10, mặc dù có đợt điều chỉnh ngắn và mạnh sau chiến thắng của Donald Trump trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ đầu tháng 11, giá vàng vẫn duy trì mức tăng ấn tượng gần 26,45% từ đầu năm..

☐ Gold Futures, D, (CFD) ◯ 2609.70 H2653.80 L2603.70 C2645.10

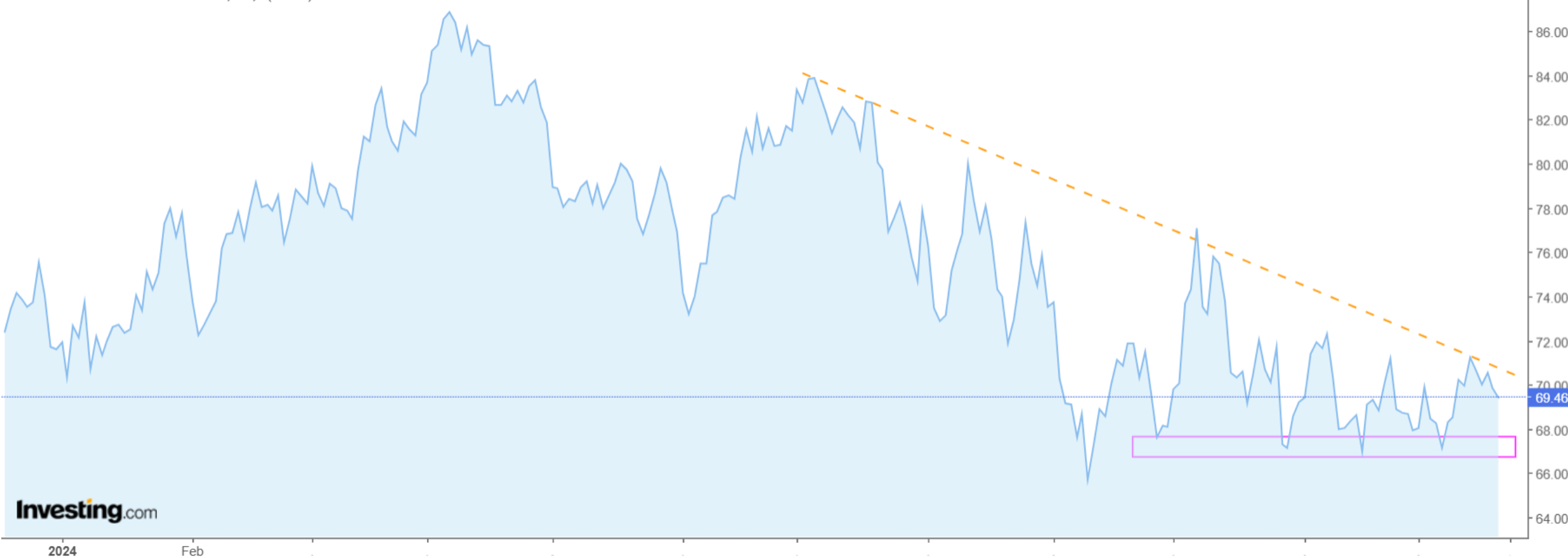


## Giá mỗi loại dầu đều giảm hơn 2% trong tuần vừa qua

Kể từ đầu năm, dầu WTI giảm -3,1% trong khi dầu Brent giảm -5,2%. Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh, một nhóm được gọi là OPEC+, gần đây đã hạ dự báo nhu cầu dầu toàn cầu năm 2024 tháng thứ 5 liên tiếp. JPMorgan dự báo thị trường dầu mỏ sẽ chuyển từ trạng thái cân bằng vào năm 2024 sang dư cung 1,2 triệu thùng/ngày vào năm 2025, vì ngân hàng này dự báo nguồn cung ngoài OPEC+ sẽ tăng 1,8 triệu thùng/ngày trong năm 2025 và sản lượng của OPEC vẫn duy trì ở mức hiện tại.

Crude Oil WTI Futures, D, (CFD) O 69.23 H 69.85 L 68.42 C 69.46

Market Closed



## Chỉ số Dollar Index tăng lên mức cao nhất trong vòng 2 năm sau cuộc họp của Fed

Tín hiệu giảm lãi suất ít hơn từ Fed trong năm 2025 đã “tiếp lửa” cho đồng bạc xanh, chỉ số Dollar Index đo sức mạnh của bạc xanh so với 6 đồng tiền chủ chốt khác đã tăng lên ngưỡng 108,54 điểm, mức đỉnh 2 năm trong tuần vừa qua. Chốt tuần, chỉ số này vẫn vững vàng trên ngưỡng 107 điểm, tăng 0,33% so với tuần trước và tăng 6,57% kể từ đầu năm.



## Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm vượt ngưỡng 4,5% và tăng +13,5 điểm cơ bản trong tuần vừa qua

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) bắt đầu hạ lãi suất (0,5%) kể từ ngày 18/9, kết thúc cuộc họp chính sách tiền tệ cuối cùng trong năm 2014, Fed tiếp tục hạ 0,25%, nâng tổng số lần hạ lãi suất trong năm nay lên 3 lần với tổng công 100 điểm cơ bản. Dù lãi suất của Fed hạ, lãi suất trên thị trường tài chính Mỹ tăng. Lãi suất cho vay thế chấp nhà và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ đều tăng mạnh kể từ khi Fed bắt đầu nới lỏng, được xem là một dấu hiệu cho thấy thị trường không tin Fed có thể giảm lãi suất thêm nhiều. Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm đã tăng 81,6 điểm cơ bản kể từ lần cắt giảm lãi suất đầu tiên vào tháng 9.

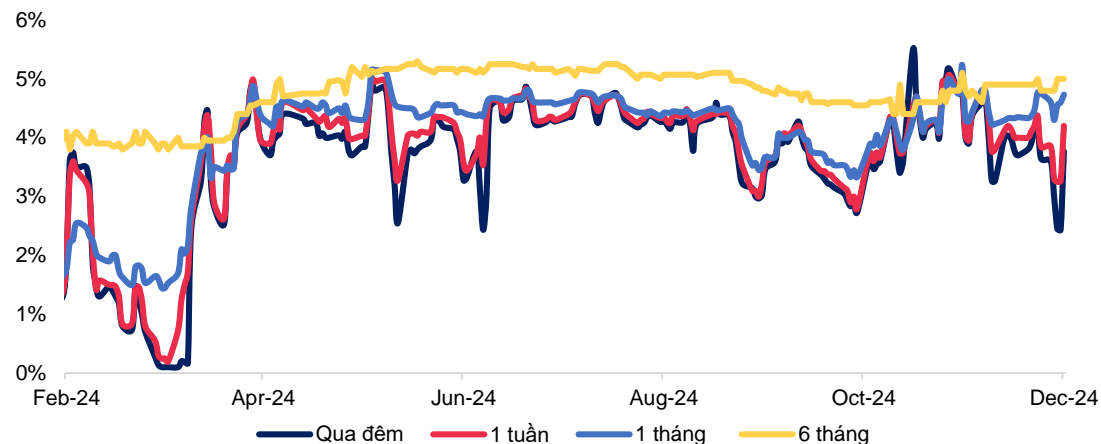




## Lãi suất

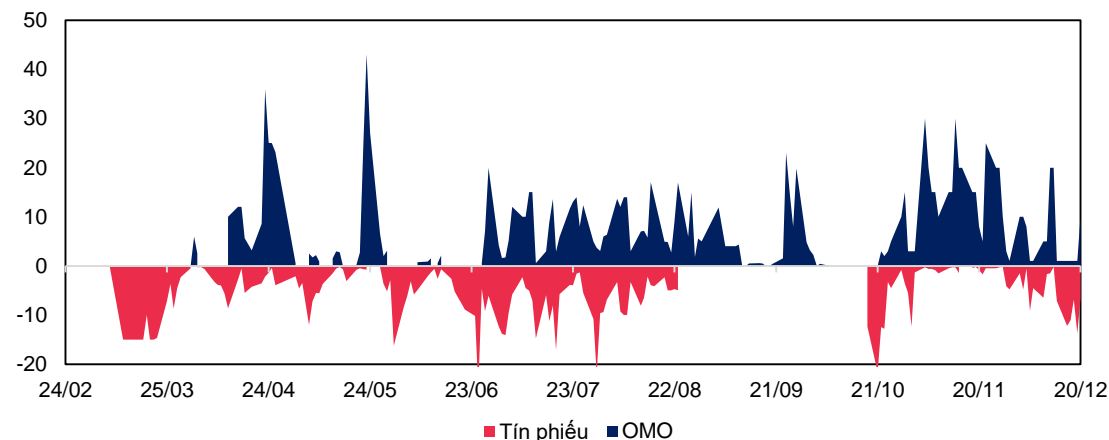
- Tuần vừa rồi, NHNN tiếp tục sử dụng đồng thời cả 2 kênh OMO cùng với phát hành tín phiếu và duy trì xu hướng hút ròng nhằm nâng cao mặt bằng lãi suất liên ngân hàng, qua đó, giúp giảm bớt áp lực lên tỷ giá. Trong đó, tổng trị giá tín phiếu phát hành ước đạt hơn 50,4 nghìn tỷ đồng với các kỳ hạn 7, 14 và 28 ngày với mức lãi suất 4%. Song song với đó, NHNN vẫn tiếp tục bơm vốn qua kênh OMO với giá trị đạt khoảng gần 14 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 7 – 14 ngày và lãi suất 4%. Như vậy, trong tuần này NHNN đã hút ròng hơn 71,4 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi ước tính khoảng hơn 32,6 nghìn tỷ đồng tín phiếu sẽ đáo hạn trong tuần tới.
- Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm trong tuần nhưng đã bật tăng trở lại vào cuối tuần dưới áp lực thanh khoản gia tăng đáng kể khi NHNN tăng quy mô hút ròng. Cụ thể, lãi suất qua đêm sau khi giảm về mức thấp nhất trong vòng 7 tháng trở lại đây tại 2,4%, đã tăng mạnh lên mức 3,8% vào cuối tuần. Các kỳ hạn dưới 1 tháng cũng có xu hướng tăng mạnh, hiện dao động trong khoảng 4,2% - 4,7%, trong khi lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng hiện đang giao dịch ở mức 5%.

## Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

## Thị trường mở

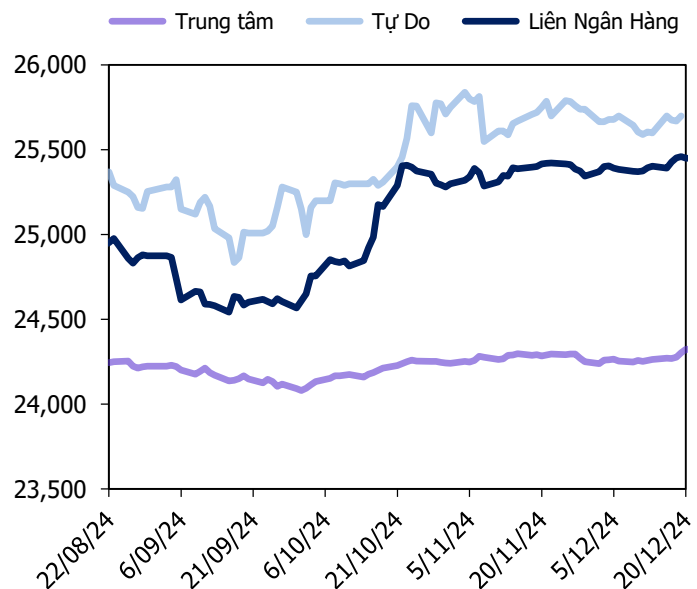


Nguồn: NHNN, MBS Research

## Thị trường ngoại hối và trái phiếu

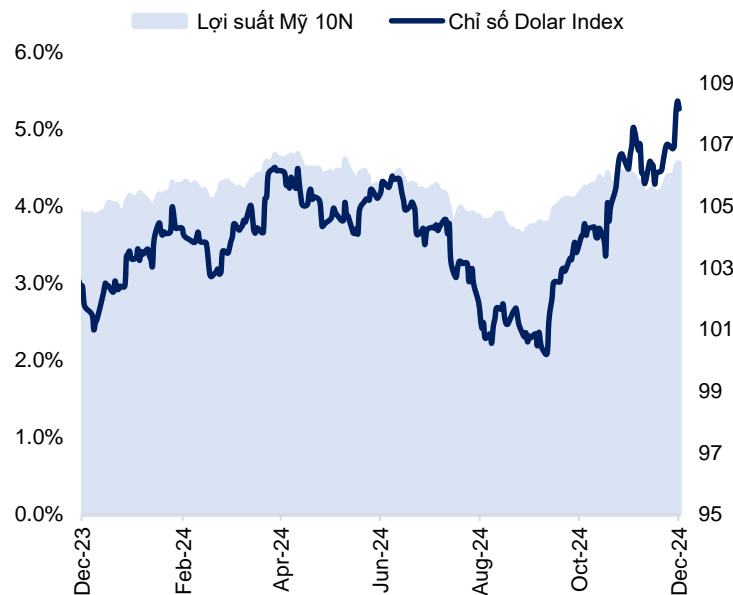
Chỉ số DXY bật tăng mạnh mẽ lên mức cao nhất trong gần 2 năm trở lại đây tại 108,2 điểm sau khi Fed hạ lãi suất lần thứ ba liên tiếp với mức giảm 25 điểm cơ bản nhưng báo hiệu sẽ chỉ có thêm 2 lần cắt giảm lãi suất trong năm sau – giảm một nửa so với dự báo của tháng 9 – do những lo ngại về việc lạm phát có nguy cơ quay trở lại. Theo đó, quyết định giảm lãi suất chậm lại của Fed sẽ khiến lãi suất ở Mỹ tiếp tục cao hơn so với lãi suất ở các quốc gia khác, và giúp gia tăng sức mạnh của đồng USD. Bên cạnh đó, một loạt những dữ liệu kinh tế cho thấy Mỹ vẫn đang duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ như tăng trưởng GDP Q3 tăng 3,1% svck, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu theo tuần giảm, và doanh số bán nhà mới cao nhất kể từ tháng 4,... đã giúp củng cố thêm cho sức mạnh của Đồng bạc xanh. Dưới áp lực tăng giá mạnh mẽ của USD, tỷ giá liên ngân hàng đã tăng mạnh lên mức 25.451 VND/USD. Tỷ giá tại thị trường tự do hiện đang giao dịch tại 25.700 VND/USD, trong khi tỷ giá trung tâm niêm yết tại 24.324VND/USD.

### Tỷ giá USD/VND



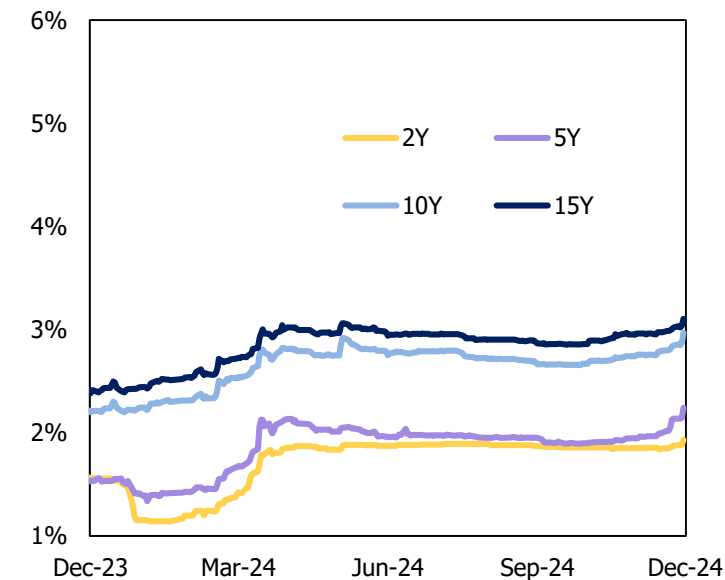
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

### Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

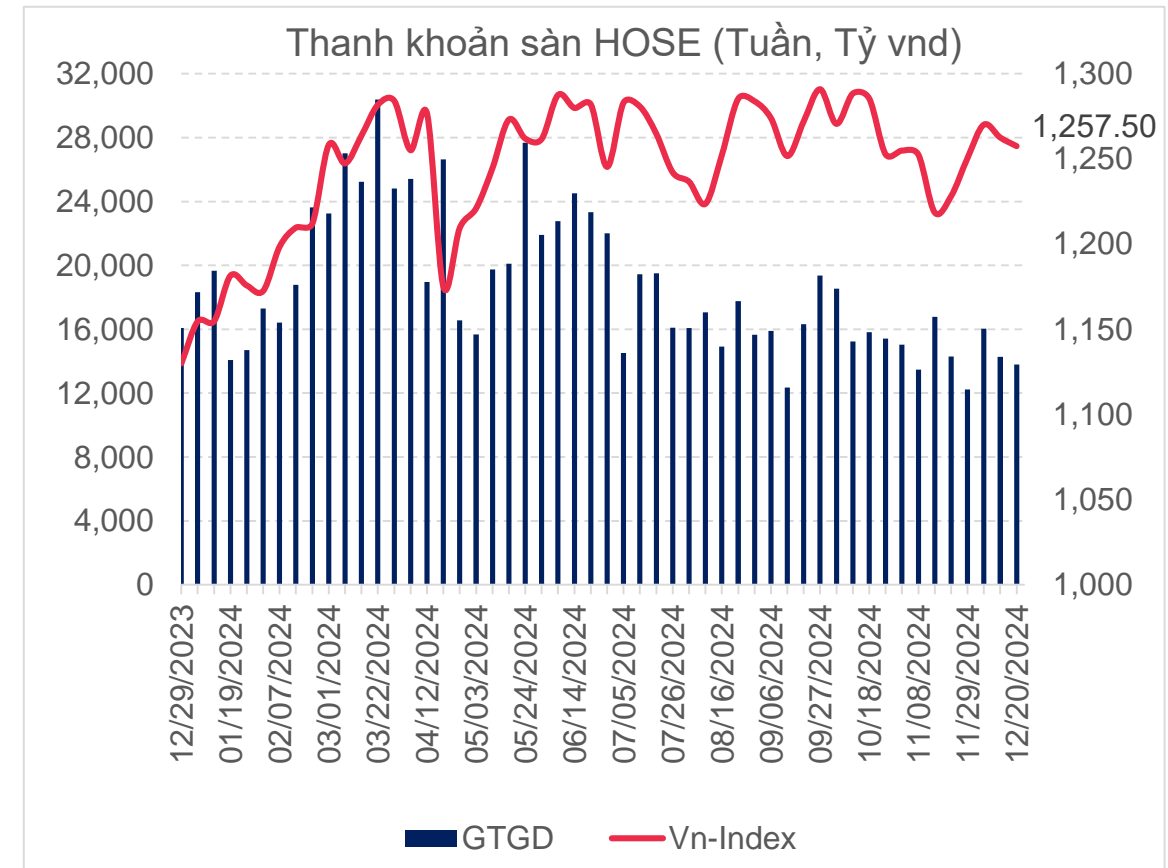
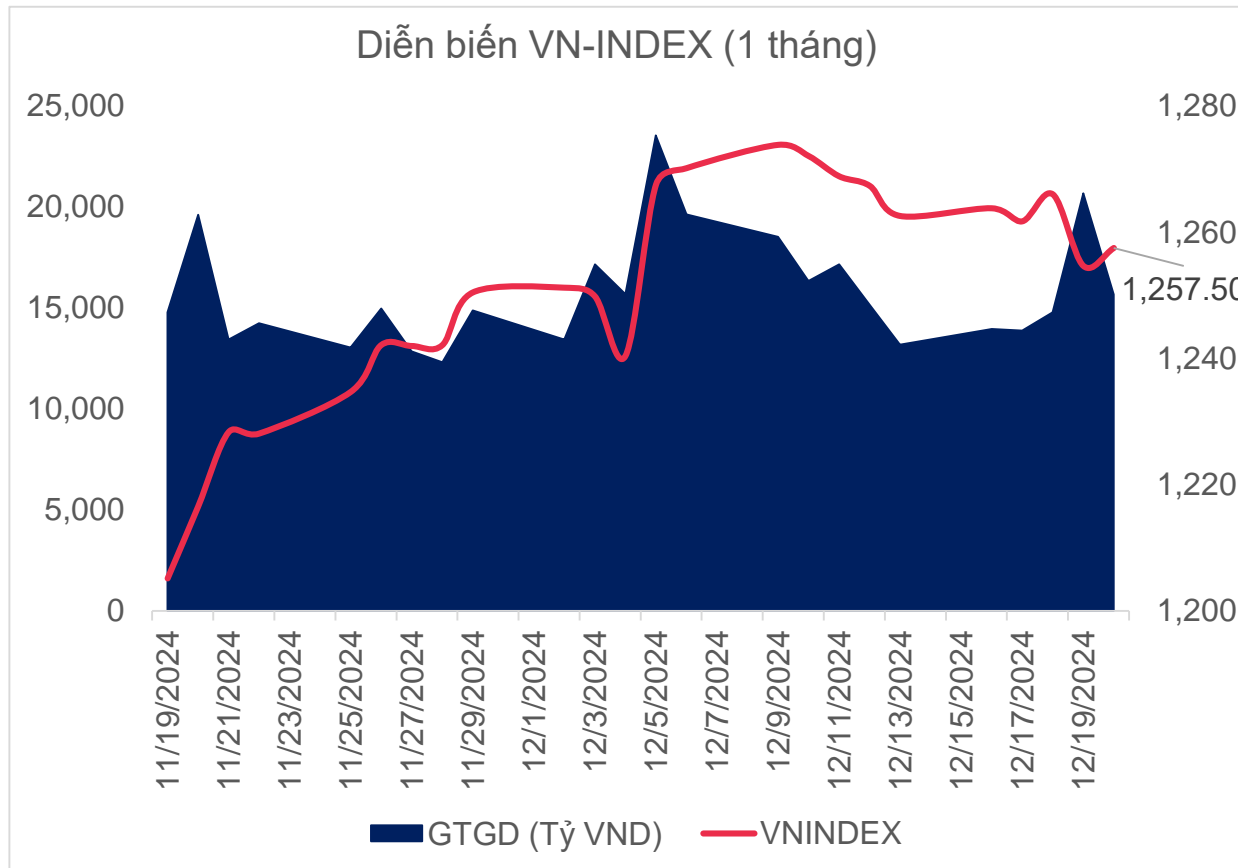
### Lợi suất TPCP



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

## Chỉ số Vn-Index giảm tuần thứ 2 liên tiếp cùng chứng khoán thế giới. Cổ phiếu Penny tiếp tục ngược dòng, tăng 4 tuần liên tiếp

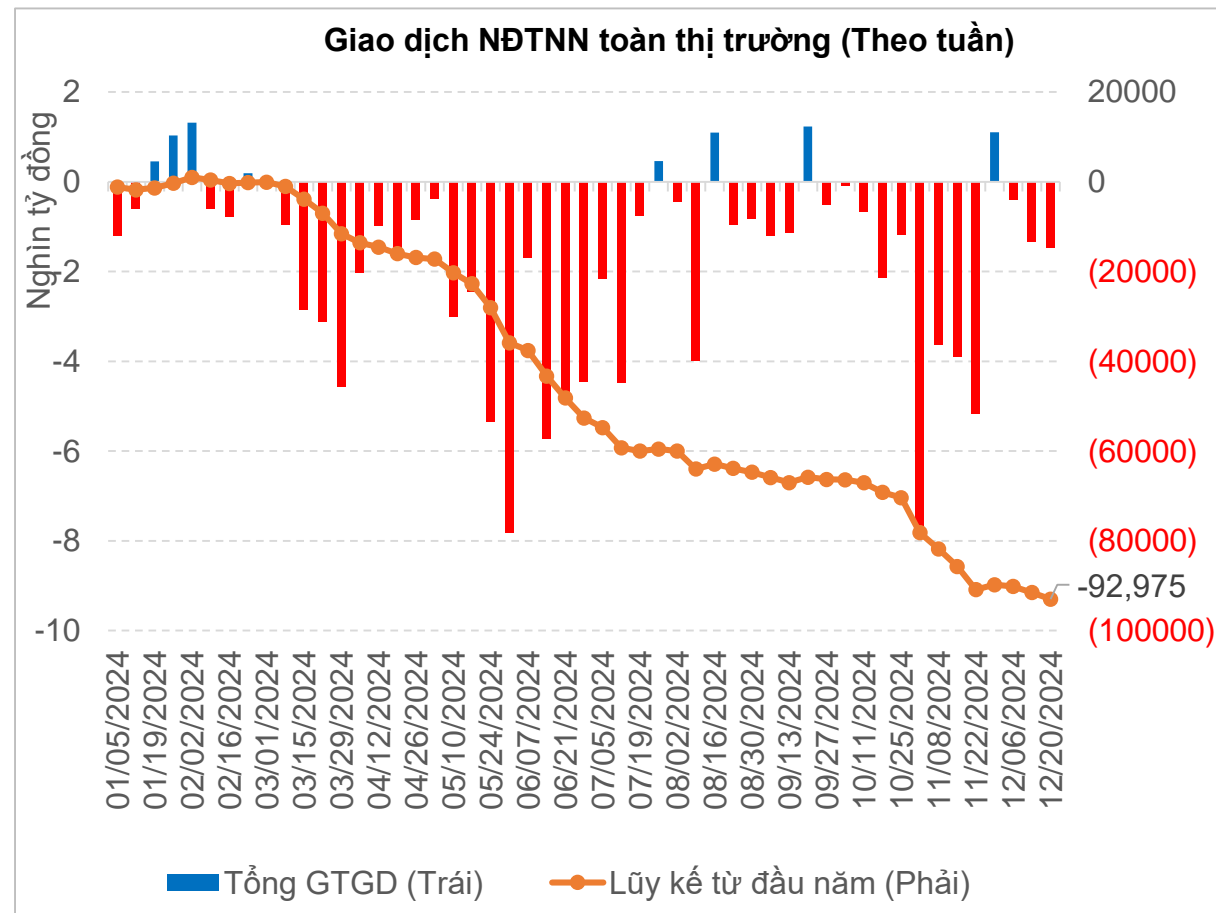
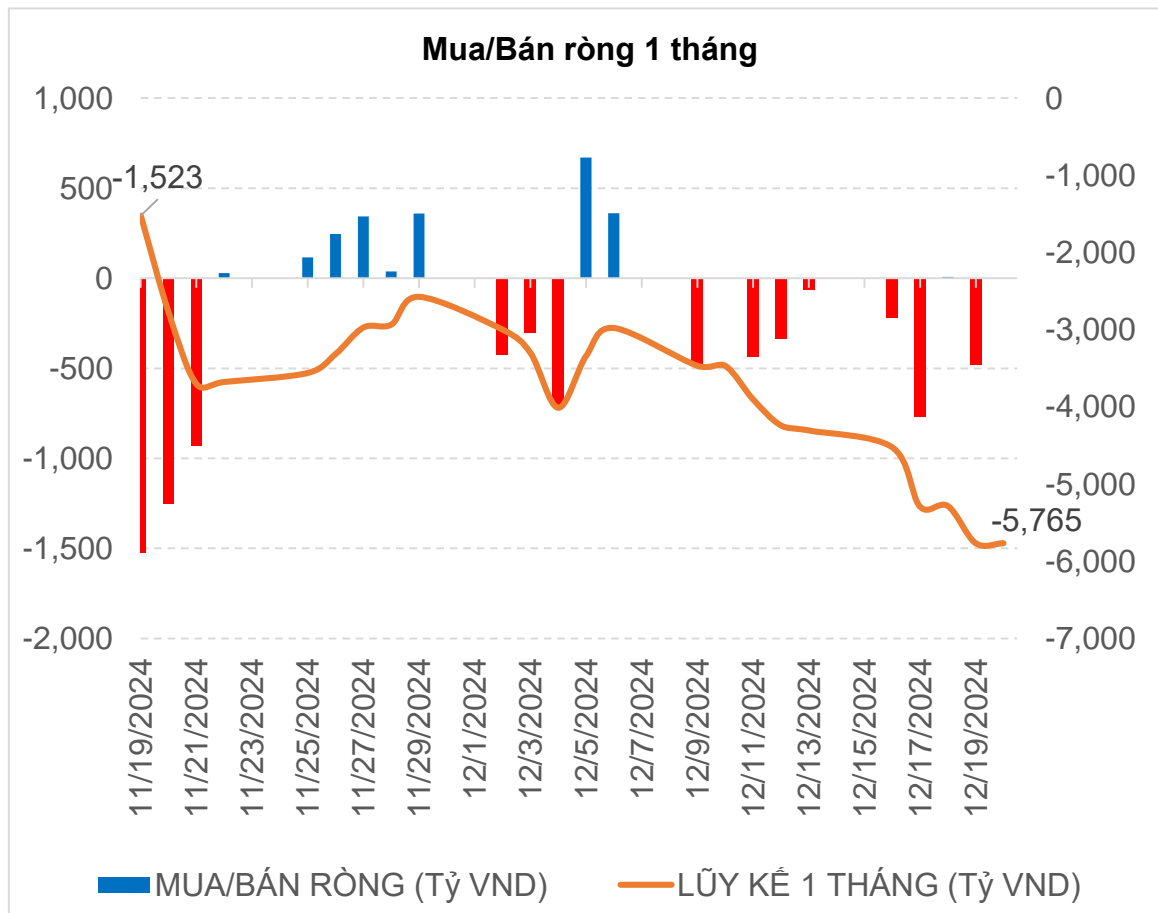
Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.257,50 điểm, giảm -5,07 điểm, tương đương sụt -0,4% so với tuần trước, đánh dấu tuần giảm thứ 2 liên tiếp nhưng so với chứng khoán thế giới, mức giảm ở tuần vừa qua khá nhẹ nhàng, điểm nhấn trong tuần vừa qua là phiên giảm ngày 19/12 khi Vn-Index để mất ngưỡng 1.260 điểm. Dòng tiền dịch chuyển sang nhóm Smallcap và đây cũng là tuần tăng thứ 4 liên tiếp. Tuần vừa qua, nhóm Smallcap tăng +1,3% trong khi Micap và VN30 giảm lần lượt -0,2% và -1%. Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua còn 15.792 tỷ đồng, giảm -1,7% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng giảm -7,1% còn 11.957 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 12 đạt 16.586 tỷ đồng, tăng +5% so với tháng 11 nhưng vẫn thấp hơn -10,4% svck. Lũy kế từ đầu năm đạt gần 21.492 tỷ đồng, tăng +22,7% so với năm 2023.



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -1.460 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -92.975 tỷ đồng



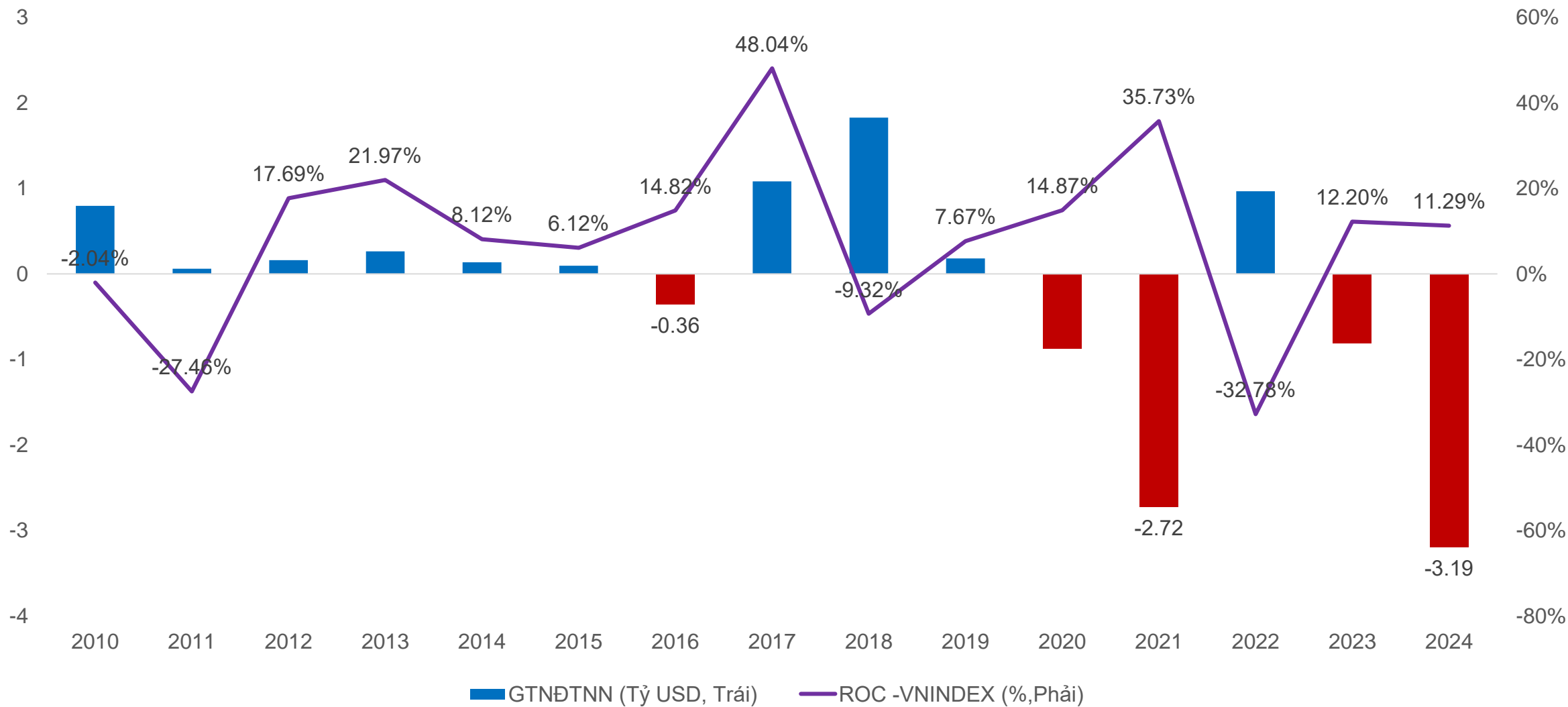


# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng 4/5 năm vừa qua, cũng là 4/5 năm chỉ số Vn-Index tăng điểm. Năm nay, khối ngoại bán ròng kỷ lục (3,19 tỷ USD)

Giao dịch khối ngoại trên HOSE và Vn-Index (2010 -2024)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Trong 20 tháng trở lại đây, khối ngoại duy nhất mua ròng tháng 1/2024 (Tỷ VND)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



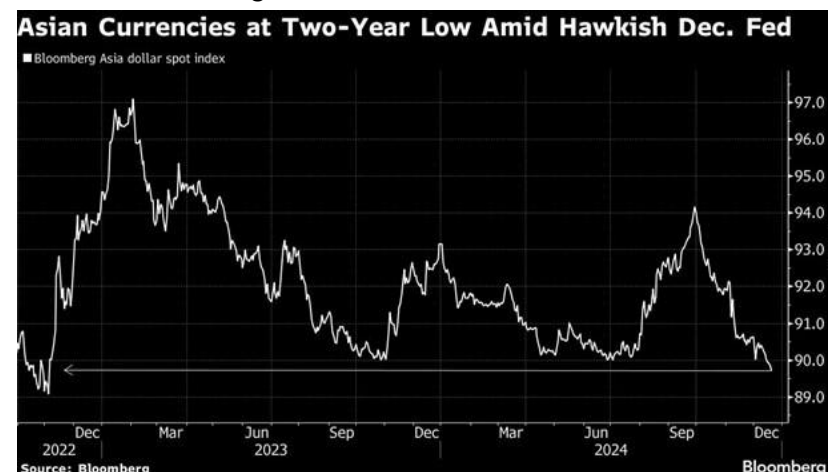
## Dòng vốn đầu tư quốc tế tiếp tục rút ròng ở nhiều thị trường khi đồng USD tăng gây sức ép lên các đồng tiền ở khu vực Châu Á

Các ngân hàng trung ương trên khắp châu Á đang phải đối mặt với quyết định khó khăn sau động thái cắt giảm lãi suất đi kèm với quan điểm điều hòa của Cục Dự trữ Liên bang (Fed), chỉ số Bloomberg Asia Dollar giảm khoảng 0,4%. Chỉ số tiền tệ châu Á của Bloomberg đã giảm gần 4% trong năm nay, với chiến thắng của Tổng thống đắc cử Donald Trump và kỳ vọng thay đổi về chính sách của Fed đã thúc đẩy sự chuyển dịch sang nắm giữ đồng đô la. Marcella Chow, chiến lược gia thị trường toàn cầu tại JPMorgan Asset Management cho biết: "Các ngân hàng trung ương châu Á có thể cần tập trung vào việc bảo vệ đồng nội tệ thay vì cắt giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế trong nước... Các ngân hàng trung ương vẫn có khả năng duy trì xu hướng nới lỏng".

Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	MTD	HTD	QTD	YTD
<b>Equity</b>						
Asia (11)						
China	30SEP2024			+96,396.3	+70,178.7	+52,199.6
India	18DEC2024	-108.6	-367.3	+2,783.0	-10,325.9	+707.8
Indonesia	19DEC2024	-57.7	-227.5	-329.4	-2,111.6	+1,137.6
Japan	13DEC2024		-3,824.3	-608.9	+14,166.7	+8,165.7
Malaysia	19DEC2024	-30.1	-185.7	-555.7	-1,666.9	-860.8
Philippines	20DEC2024	-13.2	-69.9	-106.8	-434.1	-411.9
S. Korea	20DEC2024	-623.4	-1,606.0	-1,735.2	-8,341.4	+2,220.7
Sri Lanka	19DEC2024	+0	+1.8	-1.0	-12.9	-32.1
Taiwan	20DEC2024	-1,764.1	-2,224.7	-635.9	-7,550.6	-20,891.5
Thailand	19DEC2024	+3.0	-62.0	-276.2	-1,519.8	-4,100.5
Vietnam	19DEC2024	-18.6	-51.9	-103.9	-967.7	-3,193.0

Chỉ số Bloomberg Asia Dollar



Đồng nội tệ của các nước Châu Á so với đồng USD (%)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Trong tuần cơ cấu ETF cuối cùng của năm 2024, VanEck và Fubon bị rút ròng lần lượt -12,39 triệu USD và -2,36 triệu USD

Name	1D Flow (M USD)	1W Flow ↑ (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
Average	-.11	-.41	-1.41	-3.79	-31.83	-32.13
Median	.00	.00	.00	.00	-.61	-.59
1 VanEck Vietnam ETF	-2.94	-12.39	-18.24	-41.29	-58.27	-58.27
2 Fubon FTSE Vietnam ETF	-.18	-2.36	-3.09	-20.90	-218.11	-207.68
3 DCVFMVN30 ETF Fund	-.09	-.09	-7.47	-13.28	-83.45	-83.45
4 KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	.00	.00	-2.81	-36.85	-63.76	-63.76
5 Premia Vietnam ETF	.00	.00	.00	.00	-4.75	-4.75
6 CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
7 KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	.00	.00	.00	-2.70	-2.70	-2.70
8 Korea Investment & Securities KIS Vietnam VN30 Futur...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
9 Korea Investment & Securities KIS Inverse Vietnam VN...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
10 Korea Investment & Securities KIS Leverage Vietnam ...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
11 Korea Investment & Securities KIS Inverse 2X Vietnam...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
12 Premia Vietnam ETF	.00	.00	-.72	+3.38	-10.31	-10.31
13 DCVFMVN Mid Cap ETF	.00	.00	.00	.00	+5.20	+5.42
14 FPT CAPITAL VNX50 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
15 IPAAM VN100 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
16 KIM Growth VN30 ETF	.00	.00	+6.7	+7.15	+40.85	+41.65
17 KIM Growth VNFINSELECT ETF	.00	.00	.00	+0.5	-1.67	-1.67
18 KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	.00	.00	.00	+1.23	+1.74	+1.74
19 MAFN VNDIAMOND ETF	.00	.00	-3.22	-3.16	-1.22	-1.18
20 SSIAM VN30 ETF	.00	.00	.00	.00	+0.8	+0.8
21 SSIAM VNX50 ETF	.00	.00	.00	.00	-2.31	-2.10
22 SSIAM VNFIN LEAD ETF	.00	.00	+0.8	-1.75	-84.12	-85.58
23 VinaCapital VN100 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
24 Global X MSCI Vietnam ETF	.00	.00	.00	.00	+1.93	+1.93
25 CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	.00	.00	-.12	+1.5	-2.17	-2.17
26 Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	.00	.00	-6.22	-17.47	-69.13	-73.15
27 DCVFMVN Diamond ETF	.00	.78	-7.10	+13.60	-346.36	-361.00
28 MAFN VN30 ETF	.00	+2.52	+8.66	+8.59	+7.43	+7.37

Dòng tiền ròng của các quỹ ETF (triệu USD)

Name	1D Return	MTD Return	YTD Return ↓	1 Yr Return
Average	-0.03%	+0.75%	+7.37%	+10.65%
Median	+0.06%	+1.26%	+16.04%	+16.76%
1 Korea Investment & Securities KIS Leverage Vietnam ...	0%	+3.97%	+31.24%	+40.38%
2 MAFN VNDIAMOND ETF	+0.29%	+2.04%	+28.00%	+34.00%
3 DCVFMVN Diamond ETF	+0.30%	+2.28%	+25.68%	+33.13%
4 KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	+0.42%	+4.99%	+24.87%	+28.05%
5 KIM Growth VNFINSELECT ETF	-0.31%	+2.23%	+21.23%	+23.08%
6 DCVFMVN30 ETF Fund	+0.56%	+1.88%	+20.18%	+24.40%
7 MAFN VN30 ETF	+0.81%	+1.70%	+19.50%	+25.16%
8 KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	0%	+2.56%	+18.95%	+22.52%
9 SSIAM VNX50 ETF	-0.05%	+1.59%	+18.86%	+16.76%
10 SSIAM VN30 ETF	-0.18%	+1.66%	+18.47%	+23.51%
11 KIM Growth VN30 ETF	0%	+0.79%	+18.40%	+21.64%
12 Korea Investment & Securities KIS Vietnam VN30 Futur...	-1.64%	+0.71%	+16.48%	+20.30%
13 VinaCapital VN100 ETF	+0.28%	+1.71%	+16.11%	+20.60%
14 SSIAM VNFIN LEAD ETF	+0.19%	+1.23%	+16.04%	+21.51%
15 DCVFMVN Mid Cap ETF	+0.17%	+1.29%	+7.80%	+13.75%
16 Fubon FTSE Vietnam ETF	+0.51%	+0.60%	-0.34%	+1.03%
17 IPAAM VN100 ETF	+0.12%	-3.49%	-1.43%	+3.11%
18 Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	+0.21%	+1.04%	-4.04%	+0.23%
19 Premia Vietnam ETF	0%	+1.66%	-5.66%	-3.04%
20 CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	-0.17%	-0.25%	-6.83%	-4.55%
21 Premia Vietnam ETF	-0.04%	-0.07%	-7.03%	-4.04%
22 CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	+0.46%	+1.50%	-7.17%	-5.98%
23 Global X MSCI Vietnam ETF	-1.39%	-1.48%	-7.70%	-3.52%
24 VanEck Vietnam ETF	-0.85%	-1.02%	-9.91%	-5.92%
25 FPT CAPITAL VNX50 ETF	+0.18%	-3.72%	-11.15%	-8.80%
26 Korea Investment & Securities KIS Inverse Vietnam VN...	+0.21%	-2.07%	-13.15%	-16.48%
27 Korea Investment & Securities KIS Inverse 2X Vietnam...	-0.55%	-3.46%	-28.53%	-33.37%

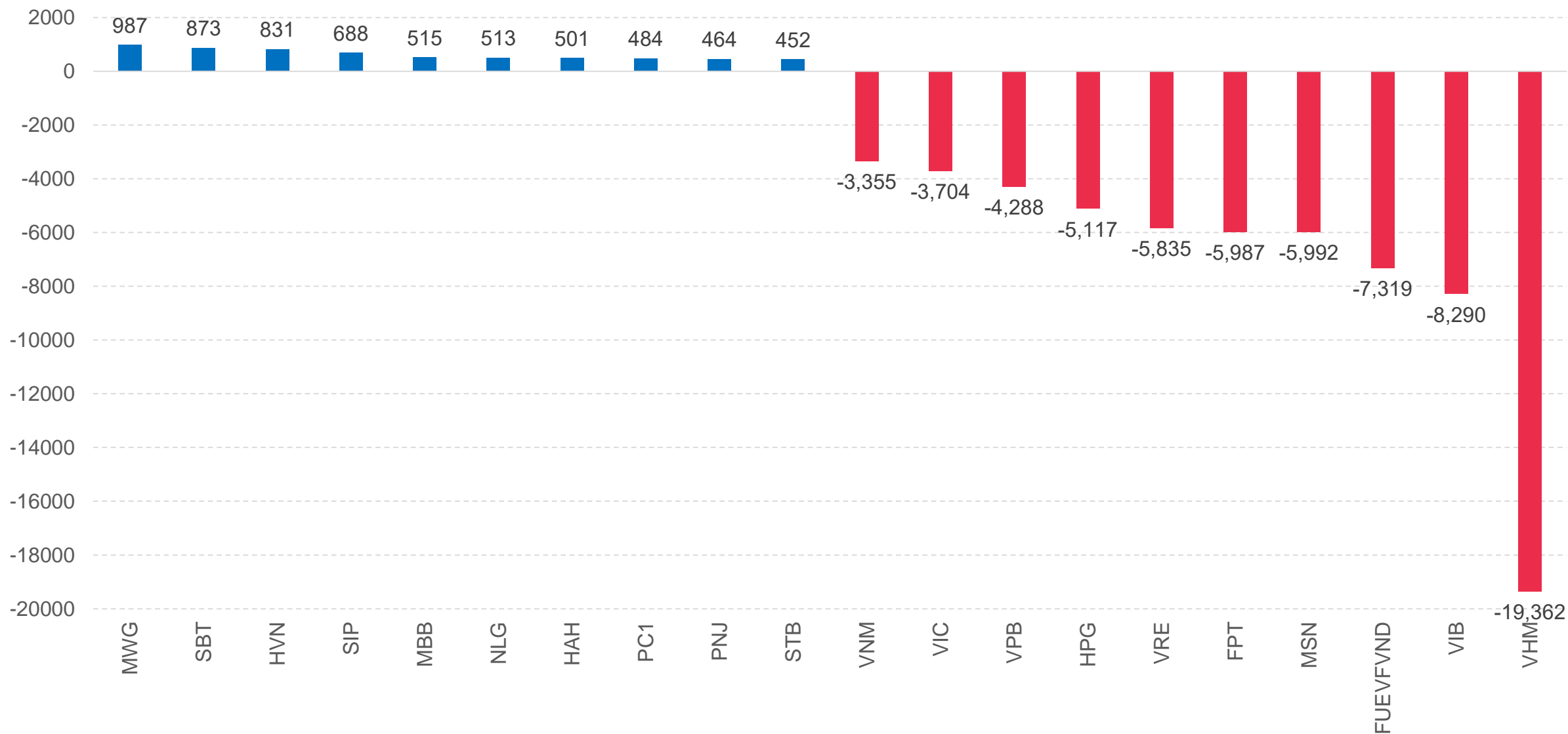
Hiệu suất của các quỹ ETF



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



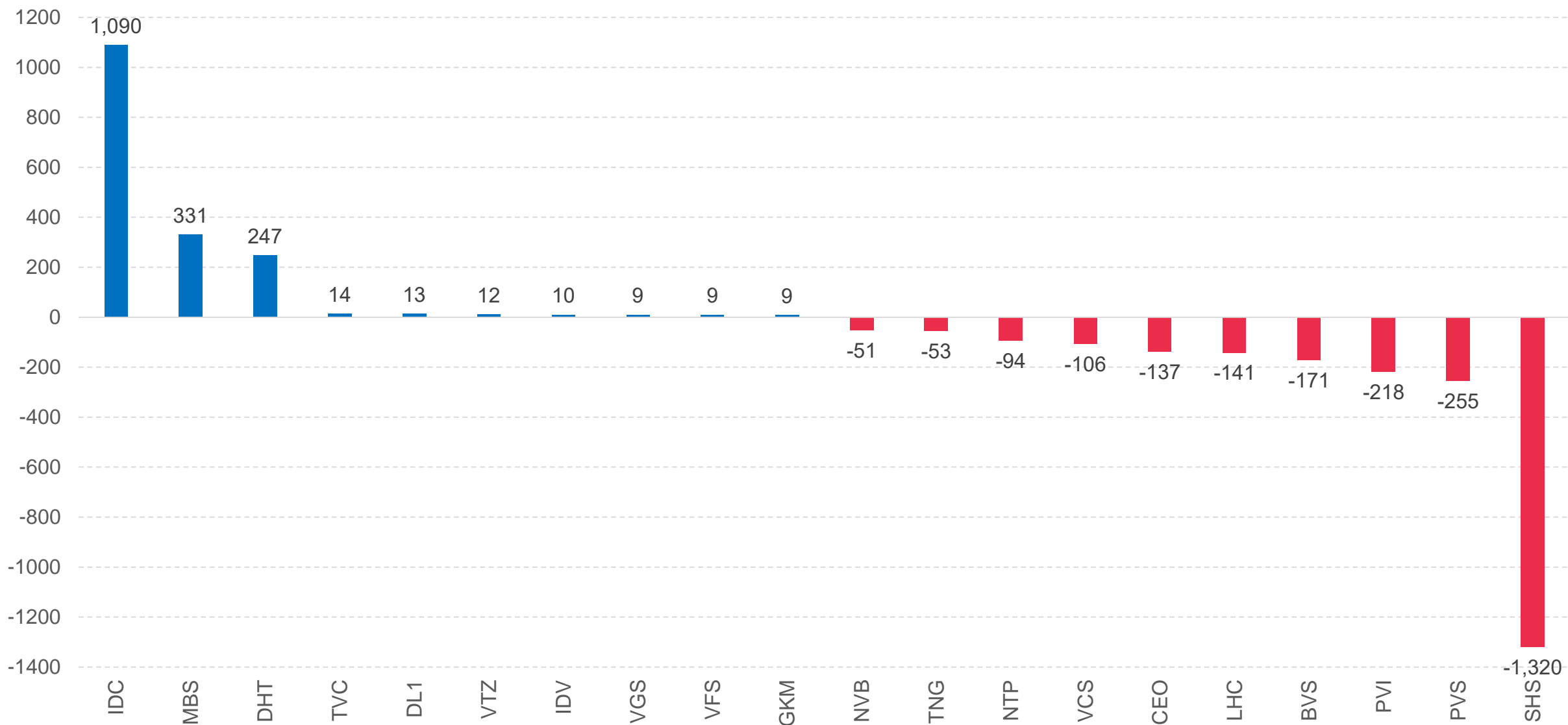
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE kể từ đầu năm (Tỷ VND)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



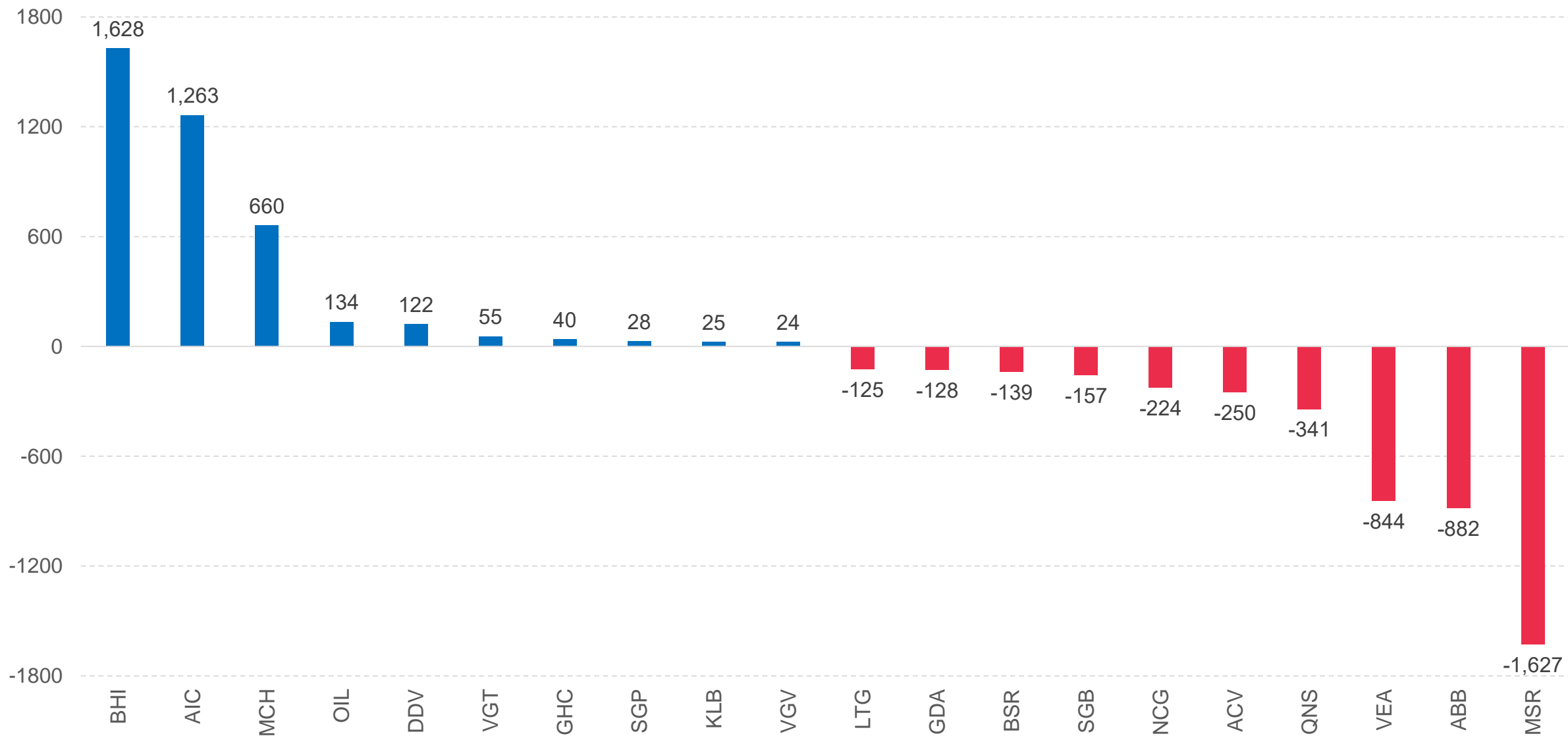
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HNX kể từ đầu năm (Tỷ VND)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



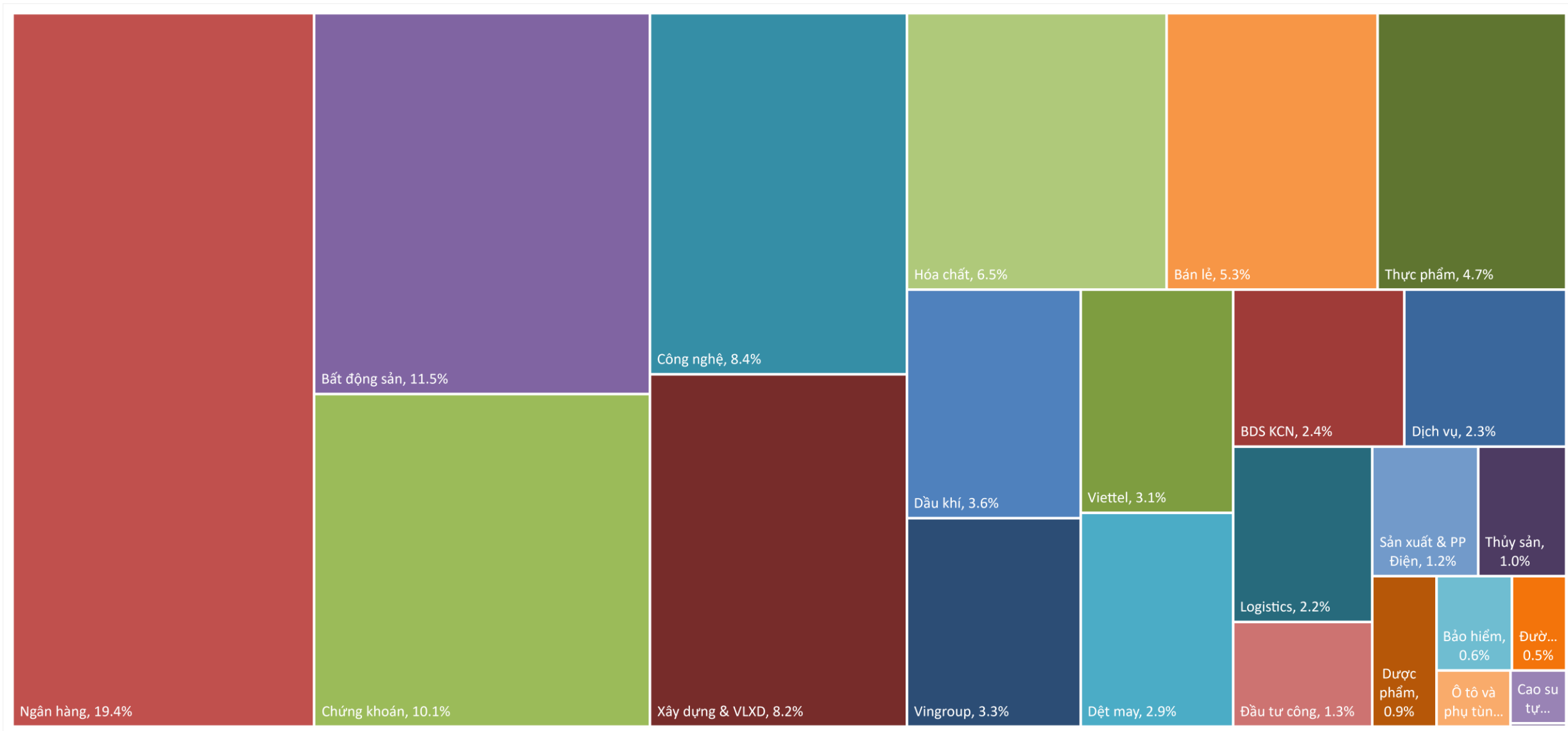
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn Upcom kể từ đầu năm (Tỷ VND)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



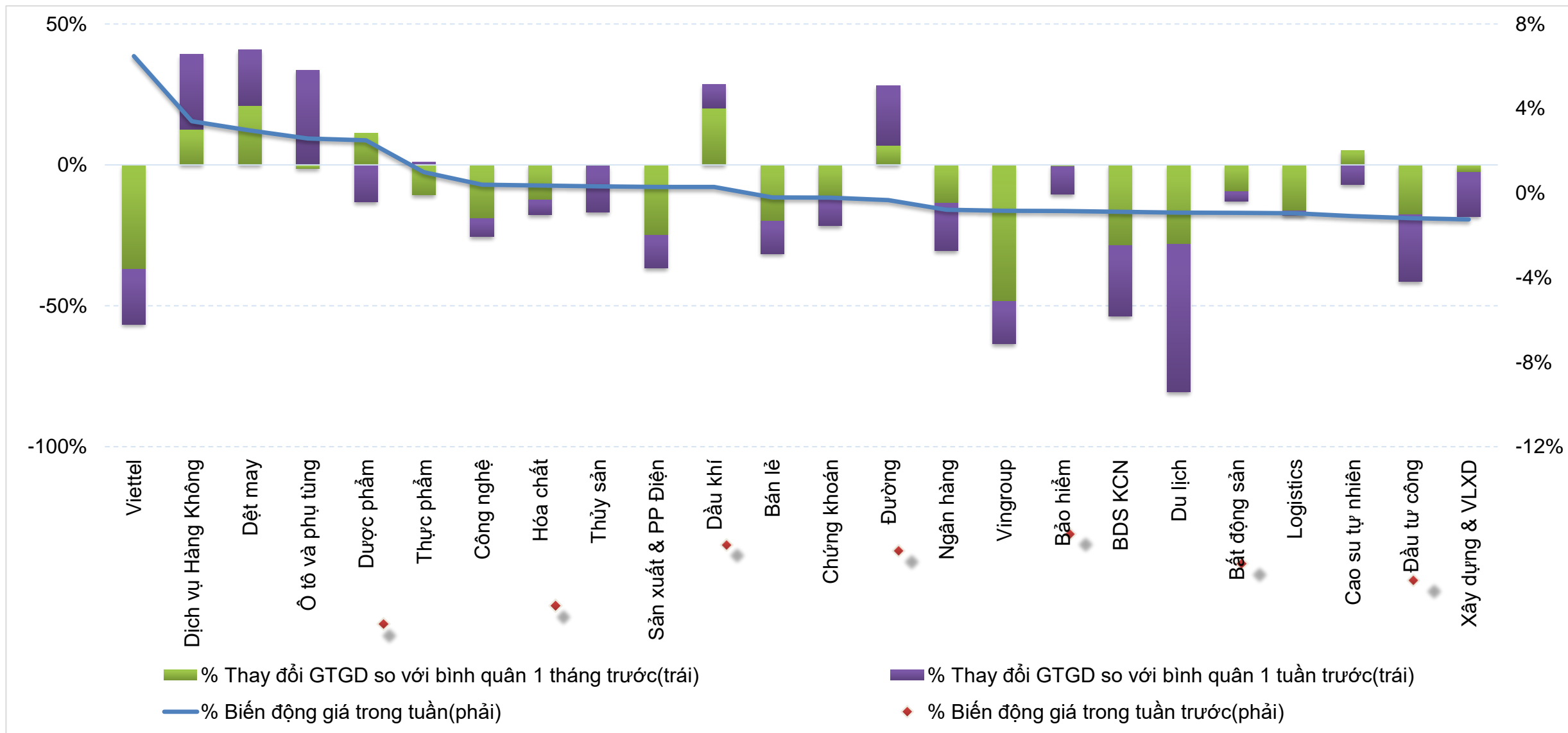
## Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

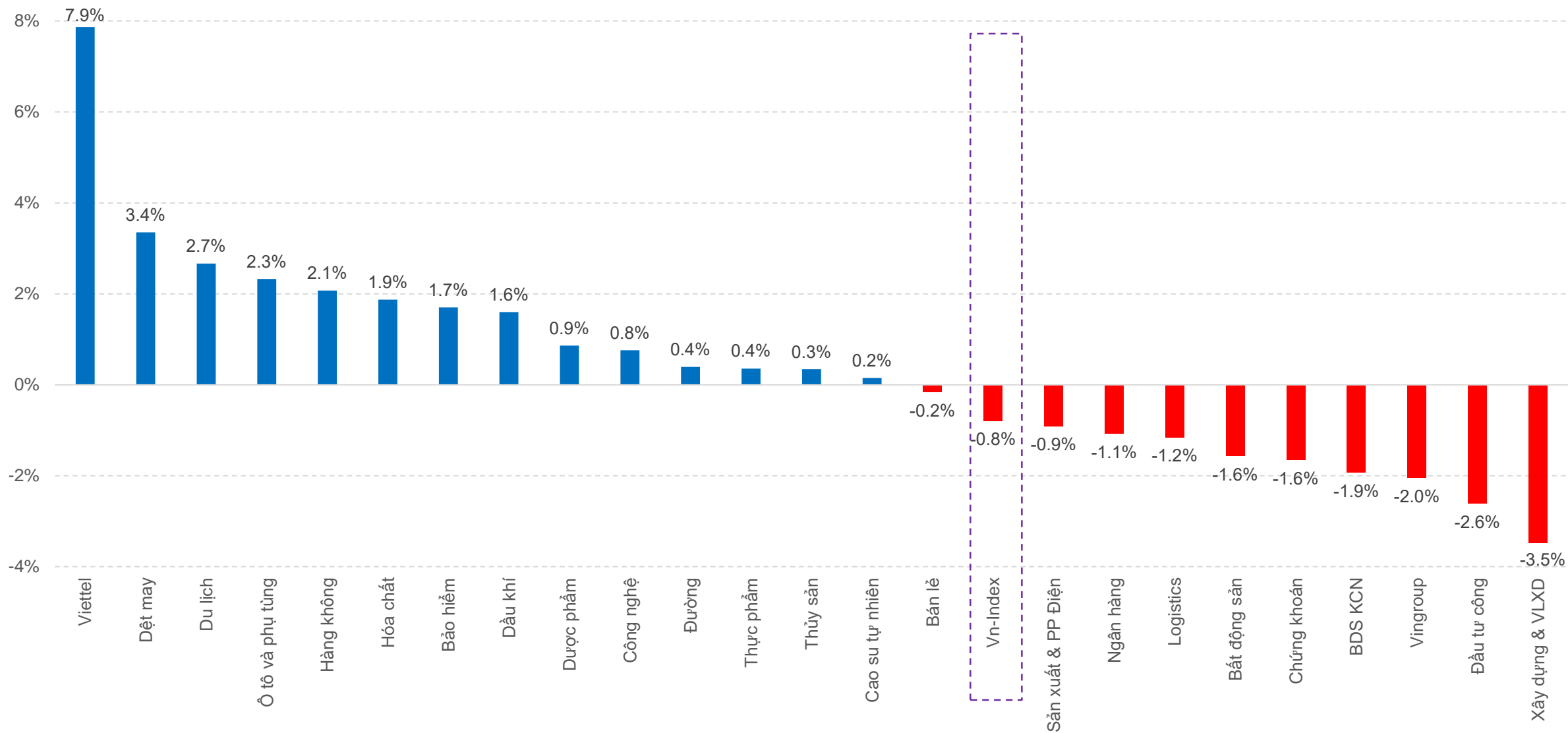


## Biến động giá và dòng tiền theo nhóm ngành



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Sau phiên bùng nổ (5/12), thị trường lùi xuống nhưng một số nhóm cổ phiếu vẫn giữ được đà tăng như: Viettel, Dệt may, ...

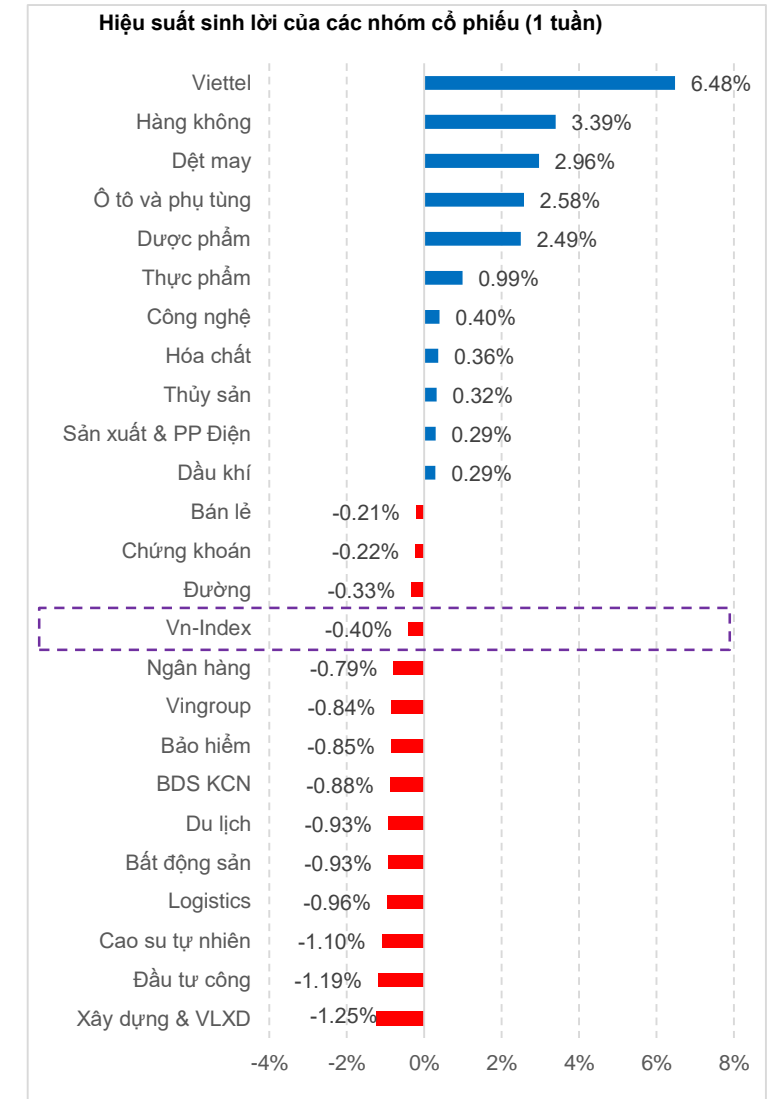
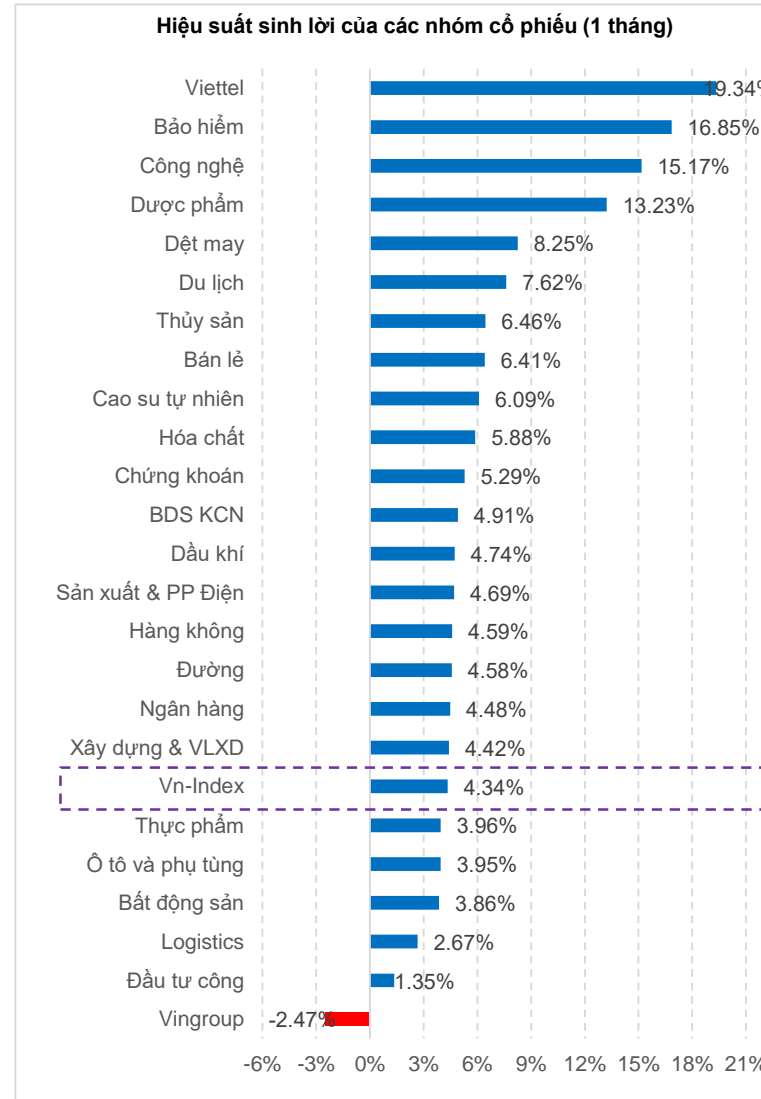
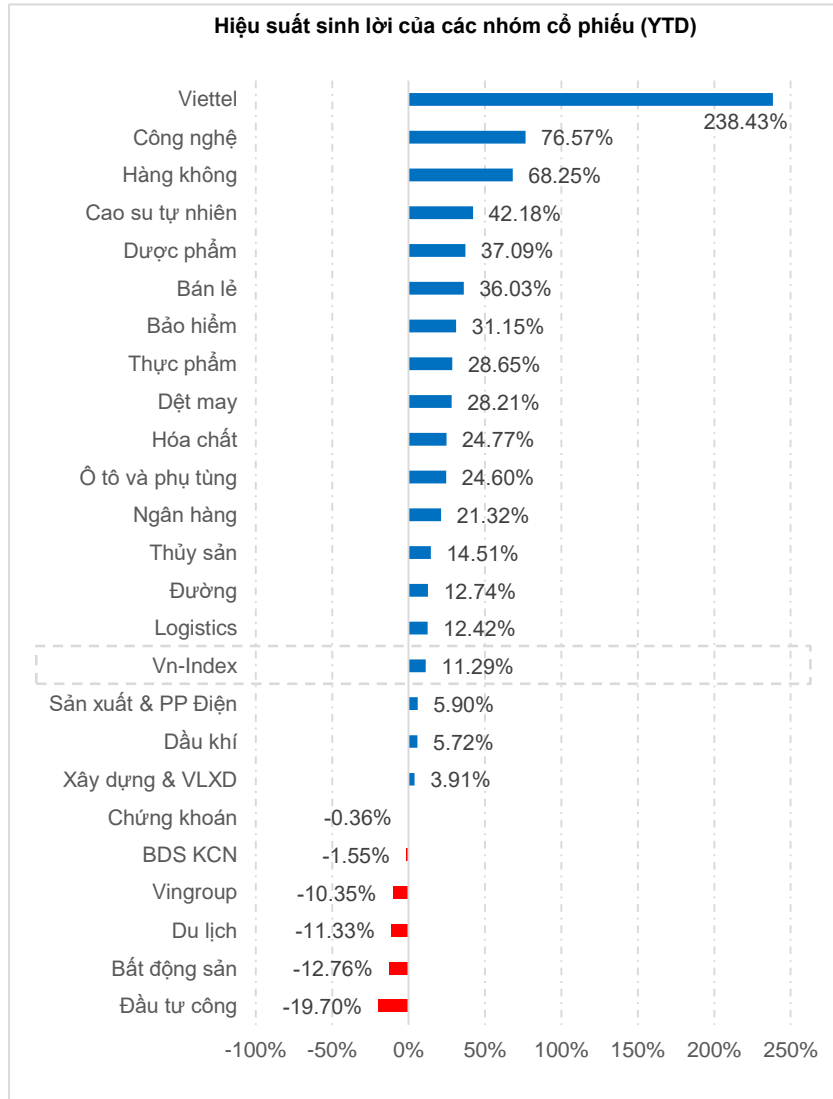




# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)

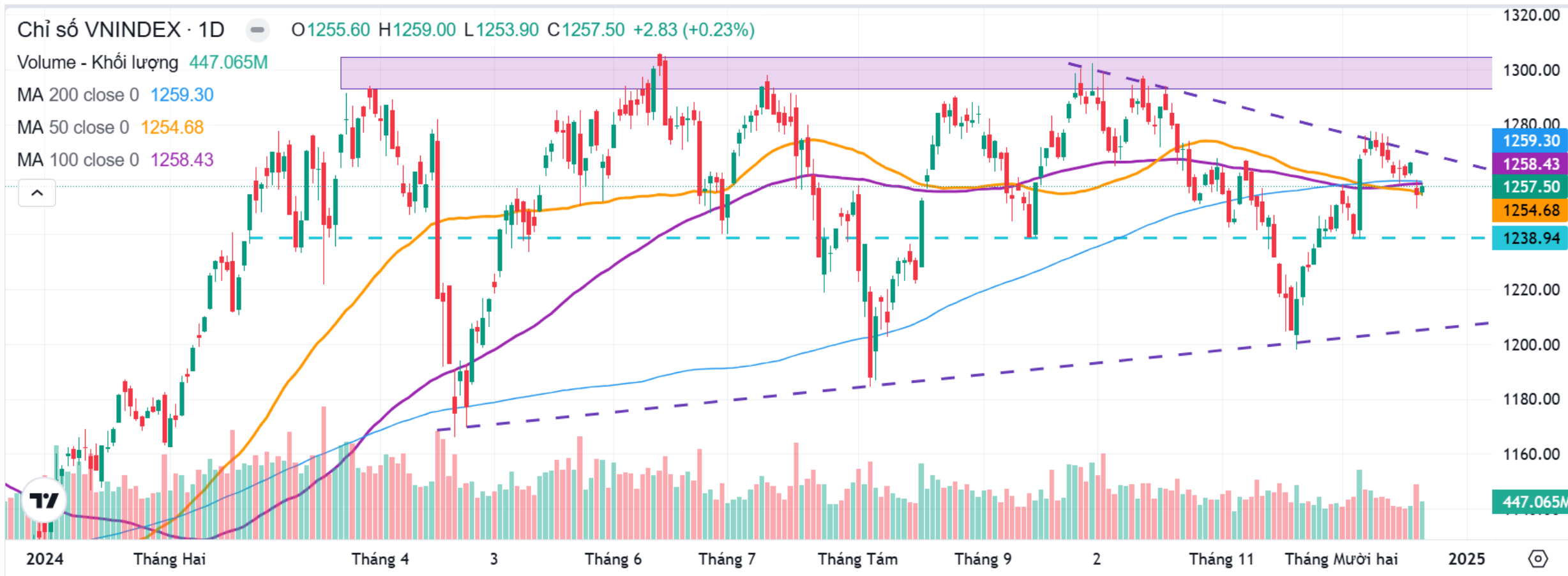


# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



**Nhận định thị trường: Vn-Index dao động trong biên độ hẹp nhưng mặt bằng cổ phiếu có mức tăng tốt hơn so với chỉ số**

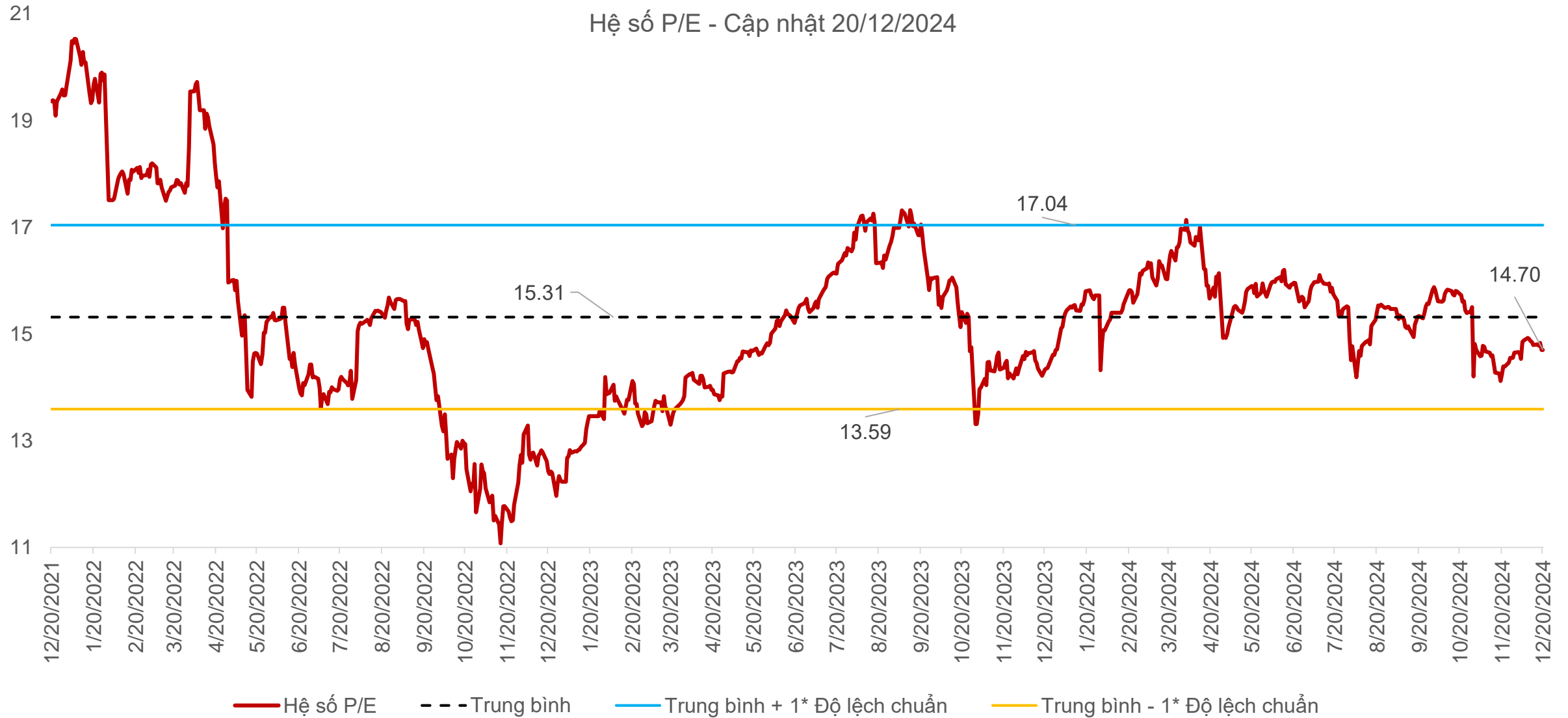
**Đồ thị kỹ thuật ngày của chỉ số Vn-Index: Chỉ số Vn-Index đang có hỗ trợ quan trọng ở khu vực 1.240 điểm, kháng cự ở 1.270 điểm**



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 3 năm qua (ttm, lần)



## Nhận định thị trường

Tín hiệu từ phiên giảm đáng chú ý sau cuộc họp chính sách tiền tệ cuối cùng của Fed sẽ là điểm tham chiếu cho sự phục hồi của chứng khoán thế giới trong tuần này. Hiện tại, một số thị trường lớn đã để mất xu hướng tăng kể từ tháng 9 và đang trong nhịp điều chỉnh. Mức giảm mạnh trong tuần vừa qua cũng khiến một số thị trường chứng khoán trong khu vực Đông Nam Á để mất thành quả kể từ đầu năm và hiện chưa về lại vạch xuất phát như: Indonesia, Thái Lan, Philippines, bên cạnh đó là thị trường Hàn Quốc.

Trong bối cảnh chứng khoán thế giới giảm mạnh, bên cạnh các sự kiện tác động trong nước như đáo hạn phái sinh và kỳ cơ cấu danh mục của các quỹ ETF. Thị trường trong nước cũng giảm sang tuần thứ 2 liên tiếp nhưng biên độ dao động khá hẹp và mức giảm cũng rất nhẹ so với chứng khoán thế giới, điều đó cho thấy thị trường đang có sức đề kháng tốt trước các tác động ngoại biên.

Khép lại tuần vừa qua cũng là thời điểm 1 tháng kể từ phiên thị trường tạo đáy ở vùng hỗ trợ 1.200 điểm ngày 20/11, hiệu suất của các nhóm cổ phiếu khá hấp dẫn, một số nhóm cổ phiếu gấp 2 hoặc gấp 3 mức tăng của chỉ số Vn-Index (+4,34%) như: Viettel (+19,34%), Bảo hiểm (+16,85%), Công nghệ (+15,17), Dược phẩm (+13,23), Dệt may (+8,25%), v.v... Tuần vừa qua, dù chỉ số dao động trong biên hẹp và giảm nhẹ nhưng mặt bằng cổ phiếu nhìn chung có mức tăng khá tốt, cho thấy dòng tiền vẫn tìm kiếm cơ hội ở các cổ phiếu có câu chuyện hoặc đang được dòng tiền hỗ trợ thay vì tham chiếu xu hướng của chỉ số Vn-Index. Tín hiệu từ độ rộng thị trường đang cho xác suất khó có kịch bản thị trường có nhịp giảm sâu trong tuần này bất chấp tác động từ chứng khoán thế giới.

Về kỹ thuật, chỉ số Vn-Index tuy giảm 2 tuần liên tiếp nhưng biên độ khá hẹp và mức giảm cũng tương đối nhẹ so với chứng khoán thế giới dù chỉ số này cũng chịu tác động từ phiên giảm 19/12 sau cuộc họp chính sách tiền tệ cuối cùng của Fed trong năm nay. Tín hiệu này cho thấy trong bối cảnh dòng tiền trong nước khá thận trọng ở tuần có nhiều sự kiện tác động, thị trường vẫn có sức chống đỡ khá tốt từ tác động ngoại biên với sự khác biệt nằm ở nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ (Smallcap). Chỉ số Vn-Index hiện đã lùi xuống dưới các ngưỡng trung bình hay được theo dõi như MA200, MA100, do vậy yếu tố kỹ thuật để kéo dòng tiền trở lại khi chỉ số này vượt ngưỡng 1.260 điểm hoặc trong kịch bản thận trọng là lùi lại vùng hỗ trợ 1.240 – 1.243 điểm. Tuần cuối cùng của năm, thị trường cũng đặt nhiều kỳ vọng sẽ có hiệu ứng chốt NAV hoặc một số thông tin vĩ mô có sớm sẽ là nhân tố hỗ trợ nhưng biên độ tăng có thể không bằng cổ phiếu ở nhóm Smallcap.

Thời điểm này, dòng tiền đang đi theo câu chuyện như: Xu hướng cổ phiếu công nghệ, viễn thông, triển vọng nâng hạng thị trường năm 2025, tăng trưởng GDP và tăng trưởng tín dụng, xuất khẩu và khả năng dịch chuyển sản xuất đến Việt Nam, đầu tư công và cơ sở hạ tầng khi Quốc hội đã thông qua chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam, v.v...

Với câu chuyện đầu tư như trên, kết hợp với dòng tiền quay trở lại sau khi thanh khoản có dấu hiệu tạo đáy ở tháng 11 vừa qua, chúng tôi cho rằng các nhóm cổ phiếu/cổ phiếu có triển vọng ở giai đoạn thị trường phục hồi ở thời điểm hiện tại như: Nhóm cổ phiếu công nghệ, viễn thông, Ngân hàng, Hóa chất/phân bón, Xuất khẩu (dệt may, thủy sản), BĐS KCN, Cảng biển/Logistics, Chứng khoán, v.v...

### 👉 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

### 👉 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside  $\geq 1$ .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

# Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha

## Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



### Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024  
Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	HPG	25,400	11/20/2024	29,000	23,300	14.17%	-8.27%	20	12/20/2024	26,700	5.12%
2	DXG	17,000	11/21/2024	20,000	15,000	17.65%	-11.76%	20	12/20/2024	17,850	5.00%
3	CTG	34,750	11/22/2024	38,000	32,000	9.35%	-7.91%	19	12/20/2024	36,150	4.03%
4	REE	68,000	12/3/2024	75,000	61,000	10.29%	-10.29%	11	12/20/2024	67,700	-0.44%
5	DGC	115,500	12/16/2024	128,000	109,000	10.82%	-5.63%	2	12/20/2024	115,400	-0.09%



**HPG** Doanh thu tăng 19% svck lên mức 34,300 tỷ VNĐ nhờ sản lượng tăng trưởng 14% svck và mảng nông nghiệp cải thiện 20% svck Biên LN gộp tăng lên mức 14% (+1.5 điểm % svck và 1 điểm % QoQ) nhờ giá nguyên liệu than và quặng giảm mạnh 8% và 9% svck so với giá bán chỉ giảm 6% svck. Doanh thu tài chính giảm 25% svck về mức 528 tỷ VNĐ trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức thấp.

Chi phí tài chính giảm 40% svck đạt mức 832 tỷ VNĐ nhờ áp lực tỷ giá và lãi vay hạ nhiệt. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng đạt 720 tỷ VNĐ (+30% svck) do áp lực tăng đến từ chi phí vận tải. Chi phí QLDN tăng nhẹ 5% svck lên mức 321 tỷ VNĐ.

Nhờ biên gộp tiếp tục cải thiện, LN ròng của HPG tăng 51% svck lên mức 3,021 tỷ VNĐ. Lũy kế 9T/24, LN ròng đạt 9,212 tỷ (+138% svck và đạt 92% kế hoạch LN cả năm).

Tiến độ hiện tại của DQ2: DQ2 đã gần như hoàn thành lắp đặt các dây chuyền chính của phân kì 1 và đạt 50% của phân kì 2. Lò cao đầu tiên sẽ chạy thử từ Q4/24 và phân kì 2 dự kiến sẽ hoàn thành vào Q4/25.

**DXG** - Doanh số kí bán của DN dự kiến tăng trưởng 203%/42% svck nhờ động lực tăng trưởng từ giai đoạn 2 dự án GSW và Riverside. Dự án Riverside có thể được hưởng lợi trong bối cảnh nguồn cung căn hộ thiếu hụt tại HCM.

- LN ròng tăng trưởng 37%/137% svck lên mức 417/946 tỷ VNĐ nhờ đóng góp của dự án GSW và Riverside

Riverside trở thành động lực tăng trưởng chính của DXG trong 2025 – 2026 và

- Định giá hiện tại của DN đang thấp hơn 38% so với mức định giá hợp lý.

**CTG** - TOI trong Q4/24 ghi nhận ở mức khoảng 16k tỷ, giảm 11% so với cùng kỳ chủ yếu do NIM giảm khiến NII giảm nhẹ svck. Tuy nhiên, nhờ CIR cải thiện và chi phí trích lập đi ngang nên LNST của CTG trong Q4/24 tăng 21.8% svck.

- Dự báo LN cả năm 2024 sẽ tăng khoảng 15.4% sv 2023 và duy trì cho năm 2025.

- Định giá hiện tại P/B 1.3x, thấp hơn nhiều so với BID (2.0x) và VCB (2.6x).

**REE** LN ròng Q3/24 tăng 7% svck, hỗ trợ bởi LN thủy điện cải thiện từ nền thấp, bù đắp cho đà giảm ở hầu hết các mảng kinh doanh cốt lõi. LN ròng 9T24 giảm 22% svck, thấp hơn so với kỳ vọng hoàn thành 63% dự phóng cả năm của chúng tôi. Thủy điện phục hồi cùng triển vọng mảng BĐS dự kiến hỗ trợ LN ròng 2025-26 tăng trưởng kép 15% sau khi ghi nhận LN ròng giảm 7.7% trong 2024.

**DGC** Chúng tôi dự báo lợi nhuận ròng của DGC sẽ tăng 30,4% svck vào năm 2025 do 1) giá P4 phục hồi do nhu cầu cao hơn từ thị trường bán dẫn 2) doanh thu ethanol dự kiến đạt 990 tỷ đồng trong năm 2025, chiếm 7% doanh thu của DGC và 3) đóng góp cao hơn từ mảng phosphate nông nghiệp nhờ nhu cầu mạnh hơn từ thị trường Ấn Độ. Chúng tôi kỳ vọng dự án Xút Nghi Sơn (CAV) đi vào hoạt động thương mại vào quý 1 năm 2026 sẽ là động lực tăng trưởng chính cho DGC trong năm 2026. Chúng tôi kỳ vọng dự án CAV sẽ đóng góp 12% doanh thu hàng năm của DGC từ năm 2026.

DGC được giao dịch ở mức 10,1 cho P/E 2025, thấp hơn 24% so với mức trung bình P/E 1 năm. Chúng tôi tin rằng DGC vẫn được định giá hấp dẫn vì là nhà xuất khẩu P4 hàng đầu châu Á và tăng trưởng NP hai chữ số trong giai đoạn 2025/26F

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		(0.40)	4.34	11.29
1	VCB	516.43	(0.64)	2.78	15.19
2	VGI	286.42	7.03	20.18	271.71
3	BID	264.79	0.11	4.15	7.03
4	ACV	258.40	3.25	3.25	87.73
5	FPT	217.87	0.00	15.80	81.42
6	CTG	194.39	(0.55)	8.40	33.39
7	HPG	171.74	(1.84)	4.91	5.10
8	TCB	167.79	(2.26)	6.25	54.34
9	VHM	165.12	(0.74)	(4.38)	(6.60)
10	MCH	162.68	3.21	6.31	197.82
11	GAS	160.47	0.29	1.03	(0.18)
12	VIC	154.09	(0.74)	0.37	(9.19)

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
13	VPB	149.16	(1.31)	2.16	3.67
14	VNM	133.55	1.25	3.17	0.71
15	MBB	126.56	(1.03)	3.67	31.52
16	GVR	123.60	(1.59)	1.64	47.11
17	ACB	110.77	(1.39)	2.06	23.51
18	MSN	101.26	(1.13)	0.43	4.93
19	MWG	87.42	(0.66)	5.39	42.71
20	LPB	85.42	0.75	6.71	112.06
21	HDB	82.13	(1.27)	13.83	43.91
22	SAB	72.98	(1.57)	2.73	(5.03)
23	BCM	68.83	0.00	5.78	9.27
24	BSR	68.52	(0.44)	17.89	23.99
25	STB	63.91	(0.44)	5.95	21.11

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		(0.40)	4.34	11.29
26	HVN	60.67	10.57	18.38	139.18
27	MVN	58.11	18.03	24.72	197.30
28	VIB	56.31	(1.56)	4.99	19.82
29	VJC	54.16	(3.13)	(2.46)	(8.15)
30	VEA	52.09	2.86	4.49	29.54
31	SSI	51.40	1.74	10.06	2.44
32	PLX	50.06	0.78	1.83	17.46
33	SSB	46.78	(3.75)	(1.18)	(20.69)
34	FOX	46.30	1.05	8.55	91.11
35	DGC	44.05	0.44	8.36	25.58
36	TPB	42.27	(2.15)	0.63	12.57
37	BVH	38.90	(3.76)	17.70	32.65

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
38	VRE	38.74	(1.73)	(4.75)	(26.82)
39	SHB	37.36	(2.40)	0.50	(1.88)
40	KDH	36.00	4.06	12.03	25.55
41	EIB	35.67	(3.55)	6.15	12.65
42	PNJ	32.91	0.00	5.78	15.10
43	REE	31.70	1.80	7.80	39.27
44	MSB	29.38	(2.16)	0.89	13.23
45	POW	29.04	(0.41)	8.93	8.44
46	VEF	28.34	1.30	(2.72)	56.91
47	GMD	26.95	(1.37)	1.88	11.21
48	OCB	26.51	(1.83)	3.38	(3.39)
49	FRT	25.10	1.15	12.88	71.96
50	SSH	24.98	0.15	(0.89)	3.89

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

### Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

### Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

### Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đình Hà Anh

Võ Đức Anh

### Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đình Công Luyện

Nguyễn Đức Hào

### Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

### Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

### Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng